

UBND QUẬN HẢI CHÂU
TRƯỜNG MẦM NON 30/4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /KH-MN30/4

Hải Châu, ngày tháng năm 2023

KẾ HOẠCH

Phát triển Chương trình giáo dục nhà trường năm học 2023-2024

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Thông tư 51/2020/TT-BGD-ĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi bổ sung một số nội dung của Chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 07 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; sửa đổi bổ sung Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Hướng dẫn số 534/PGDĐT ngày 29/ 08 /2023 của Phòng GDĐT quận Hải Châu về việc Hướng dẫn khung kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với GDMN;

Căn cứ Công văn số 548/PGDĐT- GDMN ngày 31 /08/2023 của Phòng GDĐT quận Hải Châu về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non;

Căn cứ kế hoạch số 116/KH-MN30/4 ngày 1 tháng 9 năm 2023 của trường mầm non 30/4 về triển khai nhiệm vụ năm học 2023-2024;

Căn cứ kết quả đạt được trong năm học 2022 - 2023 và điều kiện thực tế của nhà trường, của địa phương;

Trường Mầm non 30/4 xây dựng kế hoạch phát triển chương trình giáo dục năm học 2023 – 2024 cụ thể như sau:

II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Bối cảnh bên ngoài

a) Thuận lợi

Quận Hải Châu là một trong những quận trung tâm của thành phố, kinh tế xã hội phát triển mạnh, trình độ dân trí cao. Lãnh đạo quận luôn quan tâm đến công tác giáo dục của quận nhà, đầu tư cơ sở vật chất hiện đại đáp ứng với nhu cầu giáo dục ngày nay.

Trường mầm non 30/4 nằm trên địa bàn phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, sự nghiệp giáo dục của phường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của lãnh đạo UBND, Phòng giáo dục đào tạo quận Hải Châu, của Đảng, chính quyền địa phương, và nhân dân phường HTT quan tâm tạo điều kiện;

Địa bàn dân cư đông, trình độ dân trí cao, đa số là công chức, viên chức, quân nhân đóng quân trên địa bàn phường.

b) Khó khăn

- Địa bàn dân cư rộng, địa điểm trường đặt tại vị trí trong kiệt hẻm cuối phường Hòa Thuận Tây nên khó khăn trong việc đưa đón trẻ, khoảng cách phụ huynh đưa con đến trường tương đối xa;

- Địa bàn phường có số trẻ tạm trú nhiều nên thường xuyên thay đổi chỗ ở ảnh hưởng đến sĩ số trẻ ra lớp.

2. Bối cảnh bên trong

a) Thuận lợi

- Cơ sở vật chất thường xuyên được đầu tư khang trang, ngày càng hiện đại hoá đáp ứng môi trường chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ và nhu cầu gửi trẻ của nhân dân;

- Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên của nhà trường được kiện toàn đầy đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, có tâm huyết với nghề, tận tụy với công việc, tạo được niềm tin và sự ủng hộ của các bậc cha mẹ học sinh, có 32 CBGVNV, đội ngũ giáo viên đạt trình độ chuẩn 100% và trên chuẩn tỷ lệ 89.5%;

- Tỷ lệ huy động trẻ đến trường ở độ tuổi mẫu giáo thu hút 70.9%, nhà trẻ đạt 29.1%, trẻ 5 tuổi đạt 100%;

- Các hoạt động của nhà trường có nền nếp, ổn định và ngày càng có chất lượng hiệu quả;

- Phụ huynh học sinh đa số là viên chức nên nắm được các chủ trương, chính sách pháp luật của nhà nước, nắm bắt được kiến thức nuôi dạy trẻ nên rất thuận tiện trong việc triển khai các văn bản về GDMN, quan tâm hỗ trợ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường.

b) Khó khăn

- Giáo viên đã biết sử dụng vi tính để soạn giảng, nhưng việc ứng dụng công nghệ 4.0 còn hạn chế đối với một số giáo viên. Một số giáo viên còn thiếu sự linh hoạt trong việc xây dựng và tổ chức các hoạt động giáo dục lấy trẻ làm trung tâm;

- Tỷ lệ giáo viên biên chế theo Thông Tư 06/2015/TTLT – BGDDT-BNV ngày 16/3/2015 còn thiếu 02 giáo viên;

- Chế độ chính sách đối với giáo viên tuy đã được quan tâm song vẫn chưa đáp ứng được so với nhu cầu hiện tại. Đội ngũ nhân viên hợp đồng thuê khoán của trường chiếm đến 18,8%, mức lương quá thấp đời sống gặp nhiều khó khăn;

- Trường không có sân chơi, không có các phòng chức năng nên các hoạt động ngoại khóa của trẻ được tổ chức tại công viên bên cạnh trường nên cũng ảnh hưởng không ít đến hoạt động chung của nhà trường;

- 30% phụ huynh học sinh là công nhân lao động nên công tác huy động xã hội hóa tham gia hỗ trợ giáo dục nhà trường vẫn còn khó khăn.

c) Thời cơ

Nhà trường có môi trường thoáng mát, thiết bị được đầu tư tương đối đồng bộ và một số thiết bị được trang bị ngày càng hiện đại, đội ngũ giáo viên đa số trẻ, có ý chí phấn đấu. Nhà trường được các cấp lãnh đạo quan tâm, phụ huynh học sinh tin tưởng. Khuôn viên nhà trường nằm trong khu vực dân cư đang phát triển, dân trí dần tăng cao.

d) Thách thức

Do xã hội ngày càng phát triển, cha mẹ học sinh ngày càng đòi hỏi cao về chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

Do yêu cầu của đổi mới giáo dục, đòi hỏi đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên ngày càng có trình độ chuyên môn, khả năng ứng dụng CNTT, khả năng sáng tạo trong công tác giảng dạy ngày càng cao.

Các trường mầm non tư thục trên cùng địa bàn phường đã có bước tiến mạnh mẽ, chất lượng giáo dục đang phát triển, tiến bộ vượt bậc.

Trường mầm non công lập cần luôn nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ trong điều kiện kinh tế hội nhập và hiện đại hoá, trong bối cảnh chuyển đổi số đáp ứng với nhu cầu giáo dục hiện nay.

III. TẦM NHÌN, SỨ MỆNH VÀ CÁC GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Tầm nhìn

Trường mầm non 30/4 có chiều hướng phát triển nhanh, chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ mầm non ngày càng được nâng cao, luôn được Lãnh đạo Quận, Đảng ủy, chính quyền và các đoàn thể trên địa bàn phường Hoà Thuận Tây quan tâm rất nhiều, phụ huynh học sinh luôn mong muốn gửi con vào trường để thụ hưởng một môi trường giáo dục tốt nhất. Để đáp ứng sự mong mỏi của các cấp chính quyền và sự tin tưởng của quý phụ huynh, vì vậy trường mầm non 30/4 luôn muốn phấn đấu xây dựng trường đạt hiệu quả chất lượng về nuôi dưỡng và giáo dục, tạo được thương hiệu và nét riêng của mình.

2. Sứ mệnh

- Xây dựng môi trường có nề nếp kỷ cương, trách nhiệm, văn minh và chất lượng tốt để mỗi học sinh đều phát triển toàn diện, phát huy tính tích cực sáng tạo;
- Xây dựng Trường là ngôi nhà thứ hai của trẻ và cô giáo;
- Tạo dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện "Học bằng chơi, chơi mà học", lấy trẻ làm trung tâm.

3. Giá trị cốt lõi

- Xây dựng tinh thần trách nhiệm, luôn đổi mới và vận dụng các phương pháp giáo dục hiện đại trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.
- Vui vẻ, thân thiện, cởi mở, yêu thương và tôn trọng trẻ.

- Đoàn kết, hợp tác, luôn đề cao và phát huy đạo đức nhà giáo, tuân thủ quy chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

IV. MỤC TIÊU CHUNG

1. Mục tiêu giáo dục

- Giúp trẻ học tại trường Mầm non 30/4 phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị tốt các điều kiện cho trẻ vào học lớp một;

- Hình thành và phát triển ở trẻ những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp tiếp theo và cho việc học tập suốt đời;

- Giúp trẻ hào hứng vui vẻ, hạnh phúc khi đến trường; mạnh dạn tự tin trong giao tiếp, thân thiện tích cực trong các hoạt động làm việc nhóm; tự lập trong các hoạt động phù hợp với độ tuổi.

2. Yêu cầu

2.1. Yêu cầu về nội dung giáo dục mầm non.

Đảm bảo tính khoa học, tính vừa sức và nguyên tắc đồng tâm phát triển từ dễ đến khó, đảm bảo tính liên thông giữa các độ tuổi, giữa nhà trẻ, mẫu giáo và cấp tiểu học. Thống nhất giữa các nội dung giáo dục với cuộc sống hiện thực, gắn với cuộc sống và kinh nghiệm của trẻ, chuẩn bị cho trẻ từng bước hòa nhập vào cuộc sống;

Phù hợp với sự phát triển tâm sinh lý của trẻ em, hài hòa giữa nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, giúp trẻ em phát triển cơ thể cân đối, khỏe mạnh, nhanh nhẹn, cung cấp kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi, giúp trẻ em biết kính trọng, yêu mến, lễ phép với ông bà, cha mẹ thầy, cô giáo, yêu quý anh, chị, em, bạn bè, thật thà, mạnh dạn, tự tin và hồn nhiên, yêu thích cái đẹp, ham hiểu biết, thích đi học...

2.2 Yêu cầu về phương pháp giáo dục mầm non

Đối với giáo dục nhà trẻ, phương pháp giáo dục phải chú trọng giao tiếp thường xuyên, thể hiện sự yêu thương và tạo sự gắn bó của người lớn với trẻ, chú ý đặc điểm cá nhân trẻ để lựa chọn phương pháp giáo dục phù hợp, tạo cho trẻ có cảm giác an toàn về thể chất và tinh thần, tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ được tích cực hoạt động giao lưu cảm xúc, hoạt động với đồ vật và vui chơi, kích thích sự phát triển các giác quan và chức năng tâm - sinh lý, tạo môi trường giáo dục gần gũi với khung cảnh gia đình, giúp trẻ thích nghi với nhà trẻ;

Đối với giáo dục mẫu giáo, phương pháp giáo dục phải tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh dưới nhiều hình thức đa dạng, đáp ứng nhu cầu, hứng thú của trẻ theo phương châm "*chơi mà học, học bằng chơi, học bằng trải nghiệm*". Chú trọng đổi mới tổ chức môi trường giáo dục nhằm kích thích và tạo cơ hội tích cực khám phá, thử nghiệm và sáng tạo ở các khu vực hoạt động một cách vui vẻ. Kết hợp hài hòa giữa giáo dục trẻ trong nhóm bạn

với giáo dục cá nhân, chú ý đặc điểm riêng của từng trẻ để có phương pháp giáo dục phù hợp. Tổ chức hợp lý các hình thức hoạt động cá nhân, theo nhóm nhỏ và cả lớp, phù hợp với độ tuổi của nhóm/ lớp, với khả năng của từng trẻ, với nhu cầu và hứng thú của trẻ và với điều kiện thực tế.

2. 3. Yêu cầu về đánh giá sự phát triển của trẻ.

Nhà trường chỉ đạo đánh giá sự phát triển của trẻ (Bao gồm đánh giá trẻ hàng ngày và đánh giá trẻ theo giai đoạn, theo chủ đề/tháng) nhằm theo dõi sự phát triển của trẻ, làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch và kịp thời điều chỉnh kế hoạch giáo dục cho phù hợp với trẻ, với tình hình thực tế của địa phương. Trong đánh giá phải có sự phối hợp nhiều phương pháp, hình thức đánh giá, coi trọng đánh giá sự tiến bộ của từng trẻ, đánh giá trẻ thường xuyên qua quan sát hoạt động hàng ngày.

PHẦN MỘT CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRẺ

A. MỤC TIÊU

Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp trẻ từ 18 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm- xã hội và thẩm mỹ.

I. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.
- Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.
- Có một số tố chất vận động ban đầu (nhanh nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể).
- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.
- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.
- Có sự nhạy cảm của các giác quan.
- Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.
- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.

III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.
- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.
- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.

- Hồn nhiên trong giao tiếp.
- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau; Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.

IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM – XÃ HỘI VÀ THẨM MĨ

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.
- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.
- Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.
- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc (nhún nhảy, lắc lư, vỗ tay); thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện...
- Trẻ chơi với màu nước; in bàn tay, bàn chân, di màu, chấm màu nước tạo các hình đơn giản; bước đầu làm quen với cọ, vẽ các hình nguyệt lịch ngoặc, tô các hình đơn giản có sẵn.

B. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

I. PHÂN PHỐI THỜI GIAN

Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mỗi tuần làm việc 5 ngày. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hằng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt cho từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện của nhà trường;

Thời điểm nghỉ hè, lễ, tết, nghỉ học kì theo qui định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

II. CHẾ ĐỘ SINH HOẠT

Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày một cách hợp lí nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lý và sinh lý của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành những nền nếp, thói quen tốt và thích nghi với cuộc sống ở nhà trẻ;

Trẻ 18 – 24 tháng tuổi

- Ăn sáng, ăn 2 bữa chính và 1 bữa phụ.
- Ngủ: 1 giấc trưa
- Chế độ sinh hoạt cho trẻ 18 - 24 tháng tuổi

Thời gian	Hoạt động
50- 60 phút	Đón trẻ- ăn sáng
110-120 phút	Chơi - Tập
50 - 60 phút	Ăn chính
140 - 150 phút	Ngủ
20 -30 phút	Ăn phụ
50-60 phút	Chơi - Tập
50 - 60 phút	Ăn chính

50 - 60 phút	Chơi/ trả trẻ
--------------	---------------

Trẻ 24 - 36 tháng tuổi

- Ăn sáng, ăn 2 bữa chính và 1 bữa phụ.
- Ngủ: 1 giấc trưa

Chế độ sinh hoạt cho trẻ 24 - 36 tháng tuổi

Thời gian	Hoạt động
50- 60 phút	Đón trẻ- ăn sáng
110-120 phút	Chơi - Tập
50 - 60 phút	Ăn chính
140 - 150 phút	Ngủ
20 -30 phút	Ăn phụ
50-60 phút	Chơi - Tập
50 - 60 phút	Ăn chính
50 - 60 phút	Chơi/ trả trẻ

C. NỘI DUNG

I. NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHOẺ

1. Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi

Nhóm tuổi	Chế độ ăn	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng/ ngày/ trẻ	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại nhà trường/ ngày/ trẻ (Chiếm 75-80% nhu cầu cả ngày)
18-24 tháng	Cơm nát + Sữa mẹ	930-1000Kcal	697.5-744 Kcal (tối thiểu) 750-800 Kcal (tối đa)
24-36 tháng	Cơm thường		

- Số bữa ăn: Ăn sáng + hai bữa chính (Trưa + xế) và một bữa phụ (Sữa)

+ Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa ăn sáng cung cấp 15-20% năng lượng cả ngày; Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25 % đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày.

- + Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20 % năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40 % năng lượng khẩu phần.

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% – 50 % năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít / trẻ / ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.

2. Tổ chức ngủ

- Trẻ từ 18 tháng đến 36 tháng ngủ 1 giấc trưa khoảng 150 phút.

3. Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.

- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.

- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

II. DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ ĐỘ TỐI NHÀ TRẺ

1. NHÀ TRẺ 18-24 THÁNG

Chủ đề	Chủ đề nhánh	Tuần	Tháng
Bé vui đến lớp	Tự trường	1 29/8/2023- 31/8/2023	9
	Đồ chơi của bé	2 05/9/2023-09/9/2023	
	Đồ chơi của bé	3 11/9/2023-16/9/2023	
	Bé và các bạn	4 18/9/2023-23/9/2023	
	Bé chơi trung thu	5 25/9/2023-30/9/2023	
	Bé và các bạn	6 02/10/2023- 7/10/2023	10
	Cô giáo của em	7 09/10/2023- 14/10/2023	
	Cô giáo của em (Ngày pnvn 20/10)	8 16/10/2023- 21/10/2023	
Bé thích phương tiện giao	Bé thích đi xe đạp	9 23/10/2023- 28/10/2023	
	Bé thích đi xe đạp	10 30/10/2023- 04/11/2023	

thông gì?	Bé đi học bằng xe máy hay ô tô	11 06/11/2023- 11/11/2023	11
	Bé đi học bằng xe máy hay ô tô	12 13/11/2023- 18/11/2023	
	- Khuôn mặt bé có gì ? (Ngày Nhà giáo VN)	13 20/11/2023- 25/11/2023	
Bí mật bản thân	- Khuôn mặt bé có gì ?	14 27/11/2023- 02/12/2023	12
	Đôi tay xinh đẹp	15 04/12/2023- 09/12/2023	
	Đôi tay xinh đẹp	16 11/12/2023- 16/12/2023	
	Bàn chân bé xú (Ngày 22/12)	17 18/12/2023- 23/12/2023	
	Bàn chân bé xú	18 25/12/2023- 30/12/2023	
	Ông bà của bé	19 02/01/2024-06/01/2024	1

2. NHÀ TRẺ 24-36 THÁNG

<i>Chủ đề</i>	<i>Chủ đề nhánh</i>	<i>Thời gian cụ thể</i>	<i>Tuần</i>
Bé vui đến Trường (5 tuần)	Tự trường Ổn định nề nếp	29/8/2023-31/8/2023	01
	Lớp bé thật là vui	05/9/2023- 09/9/2023	02
	Các cô giáo trong nhóm lớp của bé	11/9/2023-16/9/2023	03
	Bé và các bạn ở lớp	18/9/2023-23/9/2023	04
	<i>Bé vui trung thu</i>	25/9/2023-30/9/2023	05
	Đồ chơi của bé(cái vòng)	02/10/2023- 07/10/2023	06
Bé thích phương tiện giao thông gì ? (6T)	Bé đến trường bằng xe máy	09/10/2023-14/10/2023	07
	Xe máy	16/10/2023-21/10/2023	08
	Bé được đi Ô tô	23/10/2023-28/10/2023	9
	Xe đạp	30/10/2023-04/11/2023	10
	Tàu lửa	06/11/2023-11/11/2023	11
	Máy bay	13/11/2023-18/11/2023	12
Bí mật Bản thân? (5T)	Cơ thể bé có gì? (Ngày Nhà giáo VN)	20/11/2023-25/11/2023	13
	Bé là ai?	27/11/2023-02/12/2023	14
	Đôi bàn tay bé	04/12/2023-09/12/2023	15
	Đôi mắt xinh	11/12/2023-16/12/2023	16
	Cái miệng xinh	18/12/2023-23/12/2023	17

Bé và gia đình (5T)	Những người thân yêu	25/12/2023-30/12/2023	18
	Mẹ em là cô giáo	01/01/2024-06/01/2024	19
	Ôn tập – Sơ kết học kỳ I	08/01/2024-13/01/2024	20
	Bố em làm bộ đội	15/01/2024-20/01/2024	21
	Cái bàn và cái ghế	22/01/2024-27/01/2024	22
	Cái bát xinh	22/01/2024-27/01/2024	23
Ngày tết vui vẻ (5 tuần)	Bé vui đón tết	05/02/2024-10/02/2024	24
	<i>Nghỉ tết nguyên đán</i>	12/02/2024-17/02/2024	25
	Hoa cúc	19/02/2024-24/02/2024	26
	Quả thanh long	26/2/2024-02/3/2024	27
	Quả đu đủ <i>Ngày Hội bà, mẹ và cô giáo</i>	04/3/2024-09/3/2024	28
	Rau muống	11/3/2024-16/3/2024	29
Những con vật đáng yêu (6 tuần)	Con cá vàng	18/3/2024-23/3/2024	30
	Chú mèo con	25/3/2024-30/3/2024	31
	Quả trứng	01/4/2024-06/4/2024	32
	Gà con xinh xắn	08/4/2024-13/4/2024	33
	Chú heo ừ ừ	15/4/2024-20/4/2024	34
	Vịt con lông vàng	22/4/2024-27/4/2024	35
Sắc màu bé yêu (3 tuần)	Cờ đỏ sao vàng	29/4/2024-04/5/2023	36
	Bé yêu màu đỏ	06/5/2024-11/5/2024	37
	Màu xanh của biển	13/5/2024-18/5/2024	38
	Hoàn thành kế hoạch năm học	20/5/2024-25/5/2024	39
	Tổ chức lễ ra trường Phát thưởng - Tổng kết năm học	27/5/2024-31/5/2024	40

III. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

1. ĐỘ TUỔI: 18-24 THÁNG

MỤC TIÊU GIÁO DỤC	NỘI DUNG GIÁO DỤC
I. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
*Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
1. Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi - Trẻ ngủ đủ 1 giấc trưa - Luyện tập và vận động để phát triển các tổ chức - Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo

	<p>phì.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng. - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.
2. Trẻ có một số nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt	<ul style="list-style-type: none"> - Thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau - Ngủ 1 giấc buổi trưa - Tập một số thói quen tốt: Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh
3. Trẻ biết làm được một số công việc tự phục vụ đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn	<ul style="list-style-type: none"> - Tập ngồi vào bàn ăn. - Cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước - Đi dép đúng đôi. - Đeo yếm trước khi ăn.
4. Trẻ biết thể hiện một số nhu cầu trong ăn uống, vệ sinh bằng cử chỉ hoặc lời nói.	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện bằng cử chỉ, lời nói khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh - Ra ngồi bô khi có nhu cầu vệ sinh - Làm quen với rửa tay, lau mặt - Biết "gọi" cô khi bị ướt, bị bẩn.
5. Trẻ biết tránh một số vật dụng, hành động nguy hiểm, tránh những nơi nguy hiểm khi được nhắc nhở	<ul style="list-style-type: none"> - Tránh một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần: phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun... - Tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: sờ vào ổ điện, leo trèo trên bàn, ghế ...
*Phát triển vận động	
6. Trẻ biết thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp theo cô	<ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: tập hít thở - Tay: giơ cao đưa phía trước, sang ngang, đưa ra sau - Lưng bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang hai bên - Chân: dang chân 2 bên, ngồi xuống, đứng lên
7. Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi đi theo đường thẳng (ở trên	<ul style="list-style-type: none"> - Đi theo đường thẳng - Đi trong đường hẹp

sàn) hoặc cầm đồ vật nhỏ trên hai tay và đi hết đoạn đường 1.8-2m	<ul style="list-style-type: none"> - Đi bước qua vật cản - Tập bước lên xuống bậc thang.
8. Trẻ biết phối hợp tay mắt để thực hiện các vận động lăn, tung, ném bóng	<ul style="list-style-type: none"> - Lăn bóng với cô, bạn - Ngồi lăn bóng - Đứng ném, tung bóng
9. Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể để thực hiện các vận động bò trườn.	<ul style="list-style-type: none"> - Bò, trườn tới đích - Bò chui dưới dây - Bò chui dưới gậy kê cao - Bò chui qua vòng - Bò chui qua vật cản
10. Trẻ có khả năng thể hiện sức mạnh của cơ bắp để thực hiện vận động ném, đá bóng.	<ul style="list-style-type: none"> - Ném bằng 1 tay lên phía trước được khoảng 1.2m - Đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1.5m
11. Trẻ thực hiện các cử động của bàn tay, ngón tay để vận động.	<ul style="list-style-type: none"> - Co duỗi ngón tay, đan ngón tay - Cầm, bóp, gõ, đóng đồ vật - Đóng mở nắp có ren - Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay - Nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay
12. Trẻ phối hợp tay mắt thực hiện các vận động tháo, lắp, lồng, xếp chồng, xếp cạnh, lật mở sách.	<ul style="list-style-type: none"> - Lồng hộp, chồng tháp, xâu hạt, xâu lá, xâu hoa, xếp chồng, xếp cạnh, xếp đường đi, xé giấy, lật mở trang sách - Tháo lắp, lồng hộp tròn- vuông - Xếp chồng 4-5 khối
II. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
13. Trẻ thích chơi, biết cách chơi với các đồ chơi và khám phá bằng các giác quan để nhận biết được các đặc điểm nổi bật của đối tượng.	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm đồ chơi vừa mới giấu cất - Nghe âm thanh và tìm ra nơi phát ra âm thanh. - Sờ nắn, lắc, gõ đồ chơi và nghe âm thanh - Ngửi mùi một số hoa quả quen thuộc gần gũi - Nếm vị của quả, thức ăn.
14. Trẻ chỉ hoặc nói tên một số bộ phận của cơ thể của người khi được hỏi.	<ul style="list-style-type: none"> - Một số bộ phận của cơ thể của người: Tay, mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân

15. Trẻ chỉ hoặc nói tên, đặc điểm nổi bật của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc theo yêu cầu của người lớn.	- Tên, đặc điểm nổi bật của đồ dùng, đồ chơi Búp bê, ô tô...
16. Trẻ chỉ hoặc nói tên của phương tiện giao thông gần gũi theo yêu cầu của người lớn.	- Tên của phương tiện giao thông: Xe đạp, xe máy, xe ô tô, xe tải
17. Trẻ chỉ hoặc nói tên con vật, hoa quả quen thuộc theo yêu cầu của người lớn.	Tên con vật, hoa quả quen thuộc - Con vật: con chó, con mèo, con gà, con vịt, con cá. - Quả: quả cam, quả chuối, nho, táo, đu đủ, lê, dưa hấu - Hoa: hoa hồng, hoa cúc, hoa mai
18. Trẻ chỉ hoặc nói tên của bản thân, những người thân gần gũi khi được hỏi.	- Tên cô giáo, tên bản thân, tên các bạn trong lớp, tên người thân. - Hình ảnh bản thân trong gương. - Bắt chước hành động đơn giản của những người thân - Đồ dùng đồ chơi quen thuộc của bé hằng ngày
19. Trẻ chỉ và lấy được các đồ dùng có màu đỏ, xanh; to –nhỏ theo yêu cầu.	- Nhận ra 2 màu xanh- đỏ - Nhận biết kích thước to- nhỏ.
III. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
20. Trẻ nghe và thực hiện các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.	Thực hiện các yêu cầu đơn giản: Đi đến đây; đi đến đây;
21. Trẻ nghe được câu hỏi đơn giản	Nghe hiểu câu hỏi " ở đâu?"; " Con gì?"; " Thế nào?" (Gà gáy thế nào?); " Cái gì?"; " Làm gì?"
22. Trẻ nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, chuyện kể đơn giản theo tranh.	Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, chuyện kể đơn giản theo tranh.
23. Trẻ nghe, hiểu được từ " Không"	Dừng hành động khi nghe " Không được lấy"; " Không được sờ"
24. Trẻ nghe, hiểu và trả lời được câu hỏi đơn giản	Trả lời được câu hỏi đơn giản: " Ai đây?"; " Con gì đây"; " Cái gì đây"
25. Trẻ nghe và nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn	Nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn: Con vịt, vịt bơi, bé đi chơi

26. Trẻ nghe và đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc	Đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc
27. Trẻ sử dụng ngôn ngữ để nói	<ul style="list-style-type: none"> - Phát âm các âm khác nhau - Nói được câu đơn 2-3 tiếng : Con đi chơi, đá bóng, mẹ đi làm... - Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi
28. Trẻ chủ động nói được nhu cầu, mong muốn của bản thân	- Chủ động nói được nhu cầu, mong muốn của bản thân: Cháu uống nước, cháu muốn đi chơi...
29. Trẻ làm quen với sách	Mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật, sự vật trong tranh.
IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ	
30. Trẻ nhận biết tên gọi, hình ảnh bản thân.	Nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh (chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi).
31. Trẻ biết biểu lộ giao tiếp với những người gần gũi	Biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi.
32. Trẻ biết biểu lộ cảm xúc với những người gần gũi	Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh (hón hờ, vui vẻ, mừng rỡ và sợ hãi...)
33. Trẻ thích chơi với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích và quan sát một số con vật	<ul style="list-style-type: none"> - Tập sử dụng đồ dùng đồ chơi, có đồ chơi yêu thích - Quan tâm đến con vật nuôi
34. Trẻ có ý thức bản thân, mạnh dạn giao tiếp. Bắt chước một số hành vi xã hội và thực hiện được một số yêu cầu đơn giản của người lớn	<ul style="list-style-type: none"> - Bắt chước được vài hành vi xã hội: Bé búp bê, cho búp bê ăn, tắm búp bê, vỗ về búp bê, nghe điện thoại - Giao tiếp với cô và bạn - Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp như: chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ “ạ”, “dạ”.
35. Trẻ thích nghe hát và vận động theo nhạc	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe hát, nghe nhạc, nghe âm thanh của các nhạc cụ - Hát theo và vận động đơn giản theo nhạc - Giậm chân, lắc lư, vỗ tay...
36. Trẻ thích vẽ, xem tranh.	<ul style="list-style-type: none"> - Tập cầm bút vẽ - Xem tranh.

37. Trẻ thích chơi với màu nước	- In bàn tay, in bàn chân, chấm ngón tay, di ngón tay tạo thành sản phẩm đơn giản... bằng màu nước
---------------------------------	--

2. ĐỘ TUỔI: 24-36 THÁNG

A. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC	B. NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM HỌC
I. Giáo dục phát triển thể chất	
1. Trẻ có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi - Trẻ ngủ đủ 1 giấc trưa - Luyện tập và vận động phù hợp để phát triển các tổ chất - Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. - Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì. - Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng. - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.
* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
- Có một số nề nếp thói quen tốt trong sinh hoạt	
2. Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống: Mời cô, mời bạn trước khi ăn; ăn không nói chuyện; ăn uống không cười đùa tránh hóc sặc; không làm đổ và ăn hết xuất. - Uống thêm nước cam, chanh, vitamin c để phòng chống dịch bệnh. - Ăn nhiều rau, củ, quả... - Giảm bớt tinh bột cho những cháu thừa cân, thêm rau xanh và trái cây.
3. Trẻ thực hiện được một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt.	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định. - Vệ sinh sạch sẽ, bỏ khẩu trang đúng nơi

	<p>quy định.</p> <p>- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa.</p>
- Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe	
4. Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn.	<p>- Tập tự phục vụ: xúc cơm, uống nước, mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt, chuẩn bị chỗ ngủ.</p> <p>- Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.</p> <p>- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định.</p> <p>- Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.</p> <p>- Chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.</p>
- Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn	
5. Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ hoặc đến gần (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng)
6. Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh (leo trèo lên lan can, chơi nghịch với các vật sắc nhọn)
* Phát triển vận động	
- Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	
7. Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: Hít thở, tay, lưng/bụng và chân.	<p>- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra.</p> <p>- Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay.</p> <p>- Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang hai bên, vịn người sang 2 bên.</p> <p>- Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.</p> <p>- Tập theo nhạc bài: Ô sao bé không lắc, Bài thể dục, Quả bóng, Con gà trống, Mùa hè đến.....</p>
- Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu	
8. Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ nhanh – chậm theo	<p>- Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp</p> <p>- Đi có bê vật trên tay</p>

cô hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên tay.	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy theo hướng thẳng - Đứng co 1 chân.
9. Trẻ biết thực hiện phối hợp vận động tay – mắt: tung – bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m, ném vào đích xa 1 – 1,2 m.	<ul style="list-style-type: none"> - Tung bắt bóng cùng cô khoảng cách 1m - Ném bóng về phía trước - Ném bóng vào đích xa 1- 1,2m
10. Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	<ul style="list-style-type: none"> - Bò thẳng hướng và có vật trên lưng - Bò chui qua cổng - Bò, trườn qua vật cản
11. Trẻ biết thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động bật, ném, đá bóng; Ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m).	<ul style="list-style-type: none"> - Bật tại chỗ - Bật qua vạch kẻ - Đá bóng - Ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m).
- Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay	
12. Trẻ có khả năng vận động cổ tay, ngón tay – thực hiện “múa khéo”.	<ul style="list-style-type: none"> - Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rớt, nhào, khuấy, đảo, vò xé. - Đóng cọc bàn gỗ, nhón nhặt đồ vật.
13. Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay – mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn, vẽ tổ chim, khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	<ul style="list-style-type: none"> - Chắp ghép hình, chồng, xếp 6-8 khối. - Tập cầm bút tô, vẽ, lật mở trang sách. - Tập khâu, luồn dây, cài, cời cúc, buộc dây.
II. Giáo dục phát triển nhận thức	
- Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan	
14. Trẻ sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng – mềm, trơn (nhẵn) – xù xì. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt – mặn – chua).
- Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật hiện tượng gần gũi	
15. Trẻ chơi bắt chước một số hành động	- Bắt chước một số hành động quen thuộc

quen thuộc của những người gần gũi và biết sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	của những người gần gũi: bé em, cho em ăn, tắm em, bán hàng, đi chợ, nấu ăn... - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc của bản thân và của nhóm / lớp.
16. Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi, nói được đặc điểm bên ngoài của bản thân, công việc của người thân khi được hỏi.	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/lớp. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình
17. Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.
18. Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	- Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc.
19. Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật, công dụng của phương tiện giao thông gần gũi	- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.
20. Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các lễ hội trong trường.	- Đặc điểm nổi bật của ngày hội đến trường, Tết Trung Thu, ngày tết, ngày 8/3....
21. Trẻ chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu.	- Màu đỏ, vàng, xanh. - Hình tròn, hình vuông.
22. Trẻ chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.	- Kích thước to – nhỏ.
23. Trẻ nhận biết vị trí không gian so với bản thân trẻ.	- Vị trí không gian (trên, dưới, trước, sau) so với bản thân trẻ.
24. Trẻ làm quen với số lượng.	- Số lượng một – nhiều.
III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ	
- Nghe hiểu lời nói	
25. Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 – 3 hành động.	- Nghe và thực hiện các yêu cầu gồm 2-3 hành động Ví dụ: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay
26. Nghe các câu hỏi, bài thơ, ca dao, đồng dao, đồng dao, hò vè, câu đố, bài hát và	- Nghe các câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Để làm gì?”; “Ở đâu?”; “Như thế nào?”.

truyện ngắn; Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau; Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn. - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau. - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.
27. Trẻ trả lời được một số câu hỏi mở.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe và trả lời các câu hỏi: con gà gáy thế nào? Ai đây? Cái gì đây? Làm gì? Thế nào?
28. Trẻ hiểu được nội dung truyện ngắn đơn giản	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật. - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý.
- Nghe nhắc lại các âm, các tiếng, các câu	
29. Trẻ phát âm rõ tiếng.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ phát âm rõ tiếng.
30. Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng. - Kể lại đoạn chuyện được nghe nhiều lần, có gợi ý
- Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp	
31. Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 – 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1 – 2 câu đơn giản và câu dài.
32. Trẻ sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ chào hỏi, trò chuyện - Bày tỏ nhu cầu bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “Con gì đây?”, “Cái gì đây?”...
33. Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép.	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.
34. Trẻ biết làm quen với sách.	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.
IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ	

- Biểu lộ sự nhận thức về bản thân	
35. Trẻ nói được một vài thông tin về mình.	<ul style="list-style-type: none"> - Tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân (tên, tuổi). - Tên một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình. - Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên.
36. Trẻ biết thể hiện điều mình thích và không thích.	- Thể hiện điều mình thích và không thích trong sinh hoạt hằng ngày.
- Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi	
37. Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”, chơi cạnh bạn không cấu bạn. - Giao tiếp với những người xung quanh.
38. Trẻ nhận biết được trạng thái, cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	- Một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.
39. Trẻ biểu lộ cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận. - Nhận biết và biểu lộ sự thân thiện với mọi người xung quanh.
40. Trẻ biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: Bắt chước tiếng kêu, gọi.	- Quan tâm đến các con vật nuôi, bắt chước tiếng kêu, gọi.
- Thực hiện hành vi xã hội đơn giản	
41. Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: Chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”.
42. Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ.	- Trò chơi: Bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...
43. Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Biết chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.
44. Trẻ thực hiện được một số yêu cầu của người lớn.	- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định.
- Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/ tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh	
45. Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác

một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc.	nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.
46. Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh.	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình. - Xem tranh ảnh chủ đề.
47. Trẻ chơi với màu nước, làm quen với cọ, vẽ nguyệt xích ngoạc, tô các hình đơn giản có sẵn	- Sử dụng cọ, màu nước vẽ nguyệt xích ngoạc, tô các hình đơn giản có sẵn

PHẦN HAI CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẪU GIÁO

A. MỤC TIÊU

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học.

I. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi;
- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ;
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế;
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian;
- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay;
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe;
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh;
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định;
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau;
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu;
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.
- Trẻ có 1 số hiểu biết về Bác Hồ và biết được ngày sinh nhật Bác

III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày;
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...);
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày;
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện;
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi;
- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết;
- Trẻ hiểu và nói được một số từ; câu tiếng anh đơn giản và tích cực tham gia vào các hoạt động LQTA phù hợp với độ tuổi.

IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI

- Có ý thức về bản thân;
- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh;
- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực;
- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ;
- Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

V. PHÁT TRIỂN THẨM MỸ

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật;
- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình;
- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.
- Vận động nhiều hình thức phù hợp theo độ tuổi (*erobic, nhảy, nhịp điệu, dân vũ, lắc lư, vỗ tay, múa, minh họa*)
- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng tạo hình để tạo thành sản phẩm đơn giản.
- Trẻ biết sử dụng cọ và màu nước thành thạo để tạo nên sản phẩm có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối

B. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

I. PHÂN PHỐI THỜI GIAN

- Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mỗi tuần làm việc 5 ngày, áp dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hằng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt cho từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều

kiện của cơ sở giáo dục mầm non.

- Thời điểm nghỉ hè, lễ tết, nghỉ học kỳ theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

II. CHẾ ĐỘ SINH HOẠT

Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày ở cơ sở giáo dục mầm non một cách hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lý và sinh lý của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành thái độ, nề nếp, thói quen và những kỹ năng sống tích cực.

CHẾ ĐỘ SINH HOẠT CHO TRẺ MẪU GIÁO

Thời gian	Hoạt động
80 - 90 phút	Đón trẻ, ăn sáng, chơi, thể dục sáng
30 - 40 phút	Học
40 - 50 phút	Chơi, hoạt động ở các góc
30 - 40 phút	Chơi ngoài trời
60 - 70 phút	Ăn bữa chính
140 - 150 phút	Ngủ
20 - 30 phút	Ăn bữa phụ
70 - 80 phút	Chơi, hoạt động theo ý thích
60 - 70 phút	Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ

C. NỘI DUNG

I. NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

1. Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi:

+ *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal.*

+ *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 65 - 70% nhu cầu cả ngày: 799.5 - 861 Kcal (tối thiểu); 858-924 Kcal (tối đa);*

- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: ăn sáng, một bữa chính và một bữa phụ.

+ *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: bữa ăn sáng cung cấp 15-20%; Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.*

+ *Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:*

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần.

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.

2. Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).

3. Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.

- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.

- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

III. DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ KHỐI MẪU GIÁO

1. ĐỘ TUỔI: MẪU GIÁO 3-4 TUỔI

Chủ đề	Chủ đề nhánh	Tuần	Tháng
Bé vui đến trường	Tự trường ổn định nề nếp	1 29/8/2023-31/8/2023	9
	Lớp học của bé	2 05/9/2023-9/9/2023	
	Cô giáo của bé	3 11/9/2023-16/9/2023	
	Lớp bé có nhiều đồ chơi đẹp	4 18/9/2023-23/9/2023	
	Bé vui trung thu	5 25/9/2022- 30/9/2023	
Giao thông	Bé đến trường bằng phương tiện gì? (Xe đạp, xe máy, xe o tô)	6 02/10/2023-07/10/2023	10
	Bé an toàn khi ngồi trên xe máy	7 9/10/2023-14/10/2023	
	Tín hiệu đèn giao thông	8 16/10/2023-21/10/2023	

	Bé đi du lịch bằng phương tiện gì?(Tàu thủy, máy bay)	9 23/10/2023 - 28/10/2023	
Bí mật của bản thân	Bé là ai?	10 30/10/2023-04/11/2023	11
	Các giác quan của bé	11 06/11/2023-11/11/2023	
	Bé cần gì lớn lên để khoẻ mạnh (Ngày NGVN)	12 13/11/2023-18/11/2023	
Gia đình yêu thương	Ngôi nhà thân yêu	13 20/11/2023-25/11/2023	11,12
	Người thân của bé	14 27/11/2023-02/12/2023	
	Đồ dùng để nấu ăn	15 04/12/2023-9/12/2023	
	Đồ dùng bằng điện	16 11/12/2023-16/12/2023	
Bé thích làm người lớn	Bé làm chú bộ đội. (Ngày TLQĐND)	17 18/12/2023-23/12/2023	12,01
	Bé làm cô bán hàng	18 25/12/2023-30/12/2023	
	Bé làm bác sĩ	19 01/01/2024-06/01/2024	
	Sơ kết học kỳ I	20 08/01/2024-13/01/2024	
	Bé làm chú thợ xây	21 15/01/2024-20/01/2024	
Cây xanh hoa và quả	Quả bé thích	22 22/01/2024-27/01/2024	02
	Hoa đẹp ngày tết	23 29/01/2024 - 3/02/2024	
	Rau trong vườn	24 5/02/2023 - 10/02/2023	
	Nghỉ tết nguyên đán	25 12/02/2024 - 17/2/2024	
	Bé yêu hạt lúa vàng	26 19/02/2024 - 24/02/2024	
Con vật bé thích	Gia cầm	27 26/02/2024 -02/03/2024	03
	Gia súc (Ngày hội bà, mẹ, cô giáo)	28 4/3/2024 - 9/03/2024	
	Con vật sống dưới nước	29	

		11/3/2024 - 16/3/2024	
	Con vật sống trong rừng	30 18/3/2024 - 23/3/2024	
Đà Nẵng mến yêu	<i>Mừng ngày Giải phóng TP Đà Nẵng</i>	31 25/3/2023 - 30/3/2024	04
	Biển đẹp Đà Nẵng	32 01/4/2024 - 6/4/2024	
	Cây cầu quê em	33 8/4/2024 - 13/4/2024	
Thiên nhiên kì diệu	Bé biết gì về nước	34 15/4/2024 - 20/4/2024	04,05
	Ngày và đêm	35 22/4/2024 - 27/4/2024	
	Bốn mùa xung quanh bé (<i>Giải phóng miền nam, thống nhất đất nước</i>)	36 29/4/2024 - 4/5/2024	
	Đất, cát, sỏi, có gì thú vị	37 6/5/2024 - 11/5/2024	
	Mừng sinh nhật Bác Hồ	38 13/5/2022 - 18/5/2023	
	Hoàn thành kế hoạch năm học	39 20/05 /2024– 25/05/2024	
	Tổ chức lễ ra trường và phát thưởng	40 27/5-31/5/ 2024	

2. ĐỘ TUỔI: MẪU GIÁO 4-5 TUỔI

HỌC KÌ I			
CHỦ ĐỀ	CHỦ ĐỀ NHÁNH	TUẦN	THÁNG
	Tự trường Ổn định nền nếp	Tuần 1 29/8/2023-31/8/2023	
TRƯỜNG MẦM NON CỦA BÉ (4 tuần)	Ngày hội đến trường	Tuần 2 05/9/2023-09/9/2023	Tháng 9
	Nội quy lớp bé	Tuần 3 11/9/2023-16/9/2023	
	Ấn tượng của bé về trường mầm non	Tuần 4 18/9/2023-23/9/2023	
	Bé chơi trung thu	Tuần 5 25/9/2023-30/9/2023	
GIAO THÔNG (3 tuần)	Bé thích đi lại bằng phương tiện gì?	Tuần 6 02/10/2023-07/10/2023	Tháng 10
	An toàn khi đi đến trường	Tuần 7 09/10/2023-14/10/2023	

	Giao thông trên đường	Tuần 8 16/10/2023-21/10/2023	
BÍ MẬT BẢN THÂN (3 tuần)	Điều kì diệu của các giác quan	Tuần 9 23/10/2023-28/10/2023	Tháng 11
	Bé cần gì để lớn	Tuần 10 30/10/2023-04/11/2023	
	Ngày sinh nhật của bé	Tuần 11 06/11/2023-11/11/2023	
LỚN LÊN BÉ THÍCH LÀM GÌ? (4 tuần)	Ngày hội của cô (Ngày NGVN20/11)	Tuần 12 13/11/2023-18/11/2023	Tháng 12
	Bé yêu nghệ thuật	Tuần 13 20/11/2023-25/11/2023	
	Nghề phổ biến của lớp (Tiếp viên hàng không)	Tuần 14 27/11/2023-02/12/2023	
	Em yêu chú bộ đội	Tuần 15 04/12/2023- 09/12/2023	
TUNG BỪNG ĐÓN TẾT (3 tuần)	Muôn hoa khoe sắc	Tuần 16 11/12/2023- 16/12/2023	
	Món ăn ngày tết	Tuần 17 18/12/2023-23/12/2023	
	Quang cảnh ngày tết	Tuần 18 25/12/2023-29/12/2023	
CÂY XANH QUANH BÉ (3 tuần)	Hạt ổi nảy mầm	Tuần 19 01/01/2024-06/01/2024	Tháng 1
	Sơ kết học kỳ I	Tuần 20 08/01/2024-13/01/2024	
	Ăn rau để bé thêm xinh	Tuần 21 15/01/2024-20/01/2024	
	Vườn quả của em	Tuần 22 22/01/2024-27/01/2024	
KHU RỪNG KÌ DIỆU (3 tuần)	Chú rắn da trơn	Tuần 23 29/01/2024-03/02/2024	Tháng 2
	Vòng đời của bướm	Tuần 24 05/02/2024-10/02/2024	
	Chú vooc chà và	Tuần 25 12/02/2024-17/02/2024	
	<i>Nghỉ tết nguyên đán</i>	Tuần 26 19/02/2024-24/02/2024	
MỜI BẠN ĐẾN THĂM NHÀ (4 tuần)	Nhà bé ở đâu?	Tuần 27 26/2/2024-02/3/2024	
	Nhà bé có ai?	Tuần 28 04/3/2024-09/3/2024	

	Đồ dùng nhà bé	Tuần 29 11/3/2024-16/3/2024	Tháng 3
	Đồ dùng nhà bé	Tuần 30 18/3/2024-23/3/2024	
THIÊN NHIÊN QUANH BÉ (3 tuần)	Vòng tuần hoàn của nước	Tuần 31 25/3/2024-30/3/2024	
	Ngày và đêm	Tuần 32 01/4/2024-06/4/2024	
	Bảy sắc cầu vồng	Tuần 33 08/4/2024-13/4/2024	
ĐÀ NẴNG MẾN YÊU (5 tuần)	Biển đẹp quê em	Tuần 34 15/4/2024-20/4/2024	Tháng 4
	Làng nghề trên biển	Tuần 35 22/4/2024-27/4/2024	
	Lễ hội Đà Nẵng	Tuần 36 29/4/2024-04/5/2023	
	Ăm thực quê em	Tuần 37 06/5/2024-11/5/2024	
	Sinh nhật Bác Hồ	Tuần 38 13/5/2024-18/5/2024	
	Hoàn thành kế hoạch năm học	Tuần 39 20/5/2024-25/5/2024	Tháng 5
	Tổ chức lễ ra trường Phát thưởng - Tổng kết năm học	Tuần 40 27/5/2024-31/5/2024	

3. ĐỘ TUỔI MẪU GIÁO LỚN

Học kỳ I			
Chủ đề	Chủ đề nhánh	Tuần	Tháng
	Tự trường Ổn định nề nếp	1 29/8/2023 - 31/8/2023	9
Mái trường thân yêu	Ngày hội đến trường Bé yêu trường Mầm non 30/4	2 05/9/2023 - 09/9/2023	
	Lớp học của bé	3 11/9/2023 - 16/9/2023	
	Bé đi khắp nơi bằng phương tiện gì?	4 18/9/2023 - 23/9/2023	
	Bé chơi trung thu	5 25/9/2023 - 30/9/2023	
	An toàn khi đến trường	6 02/10/2023 - 07/10/2023	

Bí mật bản thân	Cơ thể và những điều kì diệu	7 09/10/2023 - 14/10/2023	10
	Bé và những điều riêng tư	8 16/10/2023 - 21/10/2023	
	Bé cần gì để lớn	9 23/10/2023 - 28/10/2023	
	Một số thói quen tốt của bé	10 30/10/2023 - 04/11/2023	
Ước mơ của bé	Gia đình yêu thương	11 06/11/2023 - 11/11/2023	11
	Anh phi công ơi!	12 13/11/2023 - 18/11/2023	
	Đầu bếp tí hon	13 20/11/2023 - 25/11/2023	
	Cô giáo như mẹ hiền	14 27/11/2023 - 02/12/2023	
	Em yêu chú bộ đội	15 04/12/2023 - 09/12/2023	
Những con vật đáng yêu	Khám phá san hô	16 11/12/2023 - 16/12/2023	12
	Tìm hiểu về con rùa	17 18/12/2023 - 23/12/2023	
	Những con vật có vỏ	18 25/12/2023 - 30/12/2023	
	Bé biết gì về con cá voi	19 01/01/2024 - 06/01/2024	
	Sơ kết học kì I	20 08/01/2024 - 13/01/2024	
Tết và mùa xuân	Tuần 2 học kỳ II Cây xanh và môi trường sống	21 15/01/2024 - 20/01/2024	12 -01
	Cây lương thực	22 22/01/2024 - 27/01/2024	
	Các món ăn ngày tết	23 29/01/2024 - 03/02/2024	
	Bé vui đón tết	24 05/02/2024 - 10/02/2024	

	Nghỉ Tết Nguyên Đán	25 12/02/2024 - 17/02/2024	
Vũ trụ quanh ta	Các ngày trong tuần	26 19/02/2024 - 24/02/2024	
	Bốn mùa	27 26/2/2024 - 02/3/2024	
	Các nguồn ánh sáng <i>Ngày Hội bà, mẹ và cô giáo</i>	28 04/3/2023 – 09/3/2024	
	Mặt trời, mặt trăng	29 11/3/2024 - 16/3/2024	
Thành phố quê em	Cảnh đẹp quê em	30 18/3/2024 - 23/3/2024	
	Lễ hội pháo hoa <i>Mừng giải phóng TP.Đà Nẵng 29/3</i>	31 25/3/2024 - 30/3/2024	
	Biển	32 01/4/2024 - 06/4/2024	
Ô nhiễm môi trường	Ô nhiễm không khí	33 08/4/2024 - 13/4/2024	02
	Nước bị ô nhiễm	34 15/4/2024 - 20/4/2024	
	Rác thải	35 22/4/2024 - 27/4/2024	
Trường tiểu học - Bác Hồ kính yêu	Đồ dùng bé lên lớp Một <i>Giải phóng hoàn toàn Miền Nam thống nhất đất nước</i>	36 29/4/2024 - 04/5/2024	02-3
	Tham quan trường tiểu học	37 06/5/2024 - 11/5/2024	
	<i>Mừng sinh nhật Bác</i>	38 13/5/2024 - 18/5/2024	
	Hoàn thành kế hoạch năm học	39 20/5/2024 - 25/5/2024	3-4
	Tổ chức lễ ra trường Phát thưởng - Tổng kết năm học	40 27/5/2024 - 31/5/2024	

IV. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC KHỎI MẪU GIÁO

1. ĐỘ TUỔI : MẪU GIÁO 3-4 TUỔI

MỤC TIÊU GIÁO DỤC	NỘI DUNG GIÁO DỤC
-------------------	-------------------

I. Giáo dục phát triển thể chất:	
1. Trẻ khỏe mạnh, có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.	<ul style="list-style-type: none"> - Ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng - Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ khỏe mạnh - Có chế độ tập luyện phù hợp với lứa tuổi để tăng cường sức đề kháng để phòng chống dịch bệnh. - Có kế hoạch và biện pháp phối hợp với phụ huynh trong việc phòng chống béo phì và suy dinh dưỡng thấp còi cho trẻ.
* Giáo dục dinh dưỡng- sức khỏe	
- Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.	
2. Trẻ nhận biết và nói tên một số thực phẩm, món ăn quen thuộc hằng ngày, biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	<ul style="list-style-type: none"> - Một số thực phẩm và món ăn quen thuộc: thịt, cá, trứng, sữa, rau... - Một số món ăn hằng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau... - Sự quan trọng của thức ăn đối với sức khỏe. - Chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì).
- Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	
3. Trẻ biết thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt với sự giúp đỡ của người lớn.	<ul style="list-style-type: none"> - Súc miệng, làm quen với cách đánh răng (cách đánh răng đúng cách và video rửa tay theo 6 bước) - Tập rửa tay bằng xà phòng trước và sau khi ăn. - Lau mặt - Sử dụng bát, thìa , cốc đúng cách - Tháo tất, cởi quần áo, mang giày, dép... - Tập cho trẻ cách đeo khẩu trang đúng cách để phòng tránh dịch bệnh. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.
- Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe	

<p>4. Trẻ có một số hành vi, thói quen tốt trong ăn uống, vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng giấy hoặc cánh tay khi ho, hắt hơi. Tránh đưa bàn tay lên mắt, mũi, miệng để phòng tránh dịch bệnh - Một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi... - Một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi đi nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.... - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe: Tập thể dục, vệ sinh răng miệng... - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Nhận biết trang phục theo thời tiết, lựa chọn trang phục theo thời tiết - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn; những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
<p>- Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh.</p>	
<p>5. Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng, hành động nguy hiểm, nơi nguy hiểm khi được nhắc nhở.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm: Bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng. - Tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) khi được nhắc nhở - Tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở <p>Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt..</p> <p>Không tự lấy thuốc uống</p> <p>Không leo trèo bàn ghế, lan can</p> <p>Không nghịch các vật sắc nhọn</p> <p>Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp</p>

	<i>Có kế hoạch và biện pháp phối hợp với phụ huynh và giáo dục trẻ trong việc phòng chống dịch bệnh thường gặp ở trẻ em.</i>
* Phát triển vận động:	
- Trẻ thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.	
6. Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	<ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước; quay sang trái, sang phải; nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. Co duỗi chân.
- Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động	
7. Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi	<ul style="list-style-type: none"> - Đi kiễng gót - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Đi trong đường hẹp; - Đi thay đổi hướng theo đường đích dắc
8. Trẻ kiểm soát được vận động khi thay đổi tốc độ.	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh
9. Trẻ nhanh nhẹn khéo léo khi thực hiện các vận động bò, trườn, trèo.	<ul style="list-style-type: none"> - Bò theo hướng thẳng - Trườn theo hướng thẳng - Bò chui qua cổng - Bò theo đường đích dắc - Trườn theo đường đích dắc - Trườn về phía trước - Bước lên bục cao 30cm
10. Trẻ biết giữ thăng bằng trong các vận động bật - nhảy.	<ul style="list-style-type: none"> - Bật tại chỗ - Bật tiến về phía trước - Bật xa 20 – 25cm
11. Trẻ có thể phối hợp tay – mắt trong các vận động tung, bắt, ném, đập, chuyền, lăn, bắt bóng.	<ul style="list-style-type: none"> - Lăn bắt bóng với cô - Tung bắt bóng với cô - Ném xa bằng một tay

	- Chuyển bắt bóng hai bên theo hàng ngang
- Trẻ biết phối hợp các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt	
12. Trẻ biết phối hợp các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt để thực hiện được các vận động	- Xoay tròn cổ tay, gập đan các ngón tay vào nhau. - Quay ngón tay, cuộn cổ tay.
13. Trẻ biết phối hợp cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ.	- Tô, vẽ hình tròn theo mẫu - Cắt thẳng được một đoạn 10cm. - Xếp chồng 8 – 10 khối không đổ. - Xé dán giấy. - Sử dụng kéo, bút - Tụ cài, cời cúc.
II. Giáo dục phát triển nhận thức	
* Khám phá khoa học	
- Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật hiện tượng	
14. Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi.	- Đặc điểm nổi bật công dụng cách sử dụng đồ dùng đồ chơi - Hay đặt các câu hỏi: Ai đây? Cái gì đây? Để làm gì?...
15. Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Tên, đặc điểm, công dụng của một số loại phương tiện giao thông quen thuộc. - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây cối, hoa quả quen thuộc. - Cách chăm sóc và bảo vệ các con vật, cây gần gũi. Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây cối quen thuộc với môi trường sống của chúng
16. Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng	- Tập làm thí nghiệm: vật chìm, vật nổi

17. Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo.	- Xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đồ dùng đồ chơi, phương tiện giao thông, động vật, thực vật...
18. Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	- Phân loại đồ dùng đồ chơi, động vật, thực vật, phương tiện giao thông theo dấu hiệu nổi bật.
- Nhận biết mối q/h đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản	
19. Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	<ul style="list-style-type: none"> - Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây cối quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày. - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây cối. - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày, một vài đặc điểm của đất, cát, sỏi.
- Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau	
20. Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. - Cách giữ vệ sinh cơ thể, nhu cầu về dinh dưỡng và tinh thần đối với sự lớn lên của trẻ.
* Khám phá xã hội	
- Nhận biết bản thân gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng	
21. Trẻ nói được tên tuổi, giới tính của bản thân, bố mẹ và các thành viên trong gia đình, địa chỉ của gia đình, tên của lớp mẫu giáo, tên công việc của cô giáo khi được hỏi, trò chuyện.	<ul style="list-style-type: none"> - Tên, tuổi, giới tính của bản thân. - Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. - Địa chỉ gia đình bé - Tên của lớp mẫu giáo, tên công việc của cô giáo
22. Trẻ nói được một vài đặc điểm nổi bật của trường mầm non.	- Tên trường, lớp các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.
23. Trẻ có 1 số hiểu biết về Bác Hồ và biết được ngày sinh nhật Bác	- Trò chuyện về Bác Hồ và tìm hiểu về ngày sinh nhật Bác

- Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương	
24. Trẻ kể tên và nói được sản phẩm một số nghề khi được hỏi, xem tranh.	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.
- Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh	
25. Trẻ kể được tên một số lễ hội trong năm.	- Ngày tết cổ truyền của dân tộc. - Ngày hội đến trường, Tết trung thu (tên gọi, đặc điểm nổi bật)
26. Trẻ kể được tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương	- Cầu rồng, cầu sông Hàn, Biển Mỹ Khê, Bà Nà Hills
* Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	
- Nhận biết số đếm, số lượng	
27. Trẻ biết quan tâm đến số lượng và đếm.	- Hay hỏi về số lượng - Đếm vẹt - Sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.
28. Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. - 1 và nhiều - Nhận biết nhóm số lượng từ 1-5 (Nhận biết, đếm đến số lượng 2; Nhận biết đếm số lượng 3...)
29. Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5	- So sánh nhóm số lượng trong phạm vi 2, phạm vi 3, 4,5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.
30. Trẻ biết gộp 2 nhóm đối tượng cùng loại và tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm trong phạm vi 5 và đếm.	- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm. - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn. Phân nhóm thành 1 nhóm theo dấu hiệu, màu sắc, hình dạng, kích thước. - Phân nhóm thành 2 nhóm ...
- Sắp xếp theo quy tắc	
31. Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và sao chép lại.	- Xếp tương ứng 1 – 1; - Ghép đôi. - Xếp xen kẽ.
- So sánh hai đối tượng	

32. Trẻ biết so sánh 2 đối tượng về kích thước.	- So sánh 2 đối tượng về kích thước(To hơn/ nhỏ hơn; Dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau).
- Nhận biết hình dạng	
33. Trẻ nhận dạng và gọi tên các hình học.	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình học để ghép.
- Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian	
34. Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Nhận biết phía trên – phía dưới; - Nhận biết phía trước – phía sau; - Nhận biết tay phải – tay trái của bản thân.
III. Giáo dục Phát triển ngôn ngữ	
- Nghe và hiểu lời nói:	
35. Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản	- Nghe, hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản (cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ)
36. Trẻ hiểu được từ khái quát gần gũi.	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi quen thuộc - Nghe, hiểu nghĩa của từ khái quát: quần áo, đồ chơi, hoa quả...
37. Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè phù hợp với độ tuổi.
- Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày:	
38. Trẻ nói rõ các tiếng	- Phát âm rõ các tiếng của tiếng Việt. - Trả lời và đặt câu hỏi “Ai?” “Cái gì?” “Ở đâu?” “Khi nào?” - Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
39. Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc	- Nghe, hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng: đồ dùng/thực vật/động vật....

điểm....	
40. Trẻ sử dụng được các câu đơn, câu ghép	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe, hiểu nội dung các câu đơn, câu ghép trong giao tiếp hằng ngày. - Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các loại câu đơn, câu đơn mở rộng.
41. Trẻ biết kể lại sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân và kể lại chuyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn	<ul style="list-style-type: none"> - Kể lại một vài tình tiết của câu chuyện đã được nghe - Kể lại sự việc đơn giản diễn ra hằng ngày của bản thân trẻ. - Kể lại chuyện đã được nghe có sự giúp đỡ. - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.
42. Trẻ đọc thuộc một số bài thơ, ca dao, đồng dao.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe, đọc một số bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
43. Trẻ bắt chước được giọng nói của nhân vật trong truyện	<ul style="list-style-type: none"> - Đóng vai theo lời dẫn chuyện của cô giáo.
44. Trẻ sử dụng được các từ biểu thị sự lễ phép trong giao tiếp.	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép như: “vâng ạ” “xin phép” “dạ” “thưa”...
45. Trẻ biết nói đủ nghe, không nói lí nhí	<ul style="list-style-type: none"> - Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
46. Trẻ hiểu và nói được một số từ tiếng anh đơn giản và tích cực tham gia vào các hoạt động LQTA	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen chương trình tiếng anh My Little fun 3-4 tuổi
- Làm quen với việc đọc, viết	
47. Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp xúc với chữ, sách truyện - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “Đọc” chuyện.' - Làm quen với cách đọc sách (hướng đọc: từ trái sang phải, từ trên xuống dưới) - Giữ gìn sách

<p>48. Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh, làm quen với các kí hiệu thông thường</p>	<p>- Làm quen với các kí hiệu thông thường trong cuộc sống(nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ)</p> <p>-Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh</p>
<p>49.Trẻ thích vẽ, “viết” nguệch ngoạc.</p>	<p>- Làm quen với cách viết tiếng việt (hướng viết của các nét chữ: từ trái sang phải, từ trên xuống dưới)</p> <p>- Làm quen với công cụ viết</p>
<p>IV. Giáo dục phát triển thẩm mỹ:</p>	
<p>- Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật</p>	
<p>50. Trẻ thể hiện sự vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng</p>	<p>- Bộc lộ cảm xúc khi ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.</p>
<p>51. Trẻ biết chú ý lắng nghe, thích được hát theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể chuyện</p>	<p>- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca, hò, vè...) kết hợp với vận động đơn giản:</p> <p>- Nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể chuyện phù hợp với lứa tuổi</p>
<p>52. Trẻ thể hiện sự vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật của các tác phẩm tạo hình</p>	<p>- Bộc lộ cảm xúc khi ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của tác phẩm tạo hình.(về màu sắc, hình dáng...)</p>
<p>- Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình</p>	
<p>53. Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc</p>	<p>- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát quen thuộc theo lứa tuổi</p>
<p>54. Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (<i>erobic, nháy, nhịp điệu, dân vũ, vỗ tay, múa, minh họa..</i>)</p>	<p>- Vận động minh họa theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa)</p> <p>- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.</p>
<p>55. Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý</p>	<p>- Sử dụng nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm tạo hình</p>

56. Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản	Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản
57. Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản	Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản
58. Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 hoặc 2 khối	Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 hoặc 2 khối
59. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng tạo hình để tạo thành sản phẩm đơn giản.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn (lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn), cắt, xé dán, xếp hình (xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách)...để tạo ra sản phẩm đơn giản.
60. Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản	Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản
61. Trẻ biết nhận xét về tác phẩm tạo hình	- Nhận xét sản phẩm tạo hình.
- Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)	
62. Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc	- Vận động theo ý thích khi hát, nghe các bài hát bản nhạc quen thuộc: nhún nhảy, dậm chân, vỗ tay.
63. Trẻ biết tạo ra sản phẩm tạo hình theo ý thích và biết đặt tên cho sản phẩm của mình	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích. - Đặt tên cho sản phẩm của mình
V. Giáo dục phát triển tình cảm & kỹ năng xã hội:	
- Thể hiện ý thức về bản thân	
64. Trẻ nói được tên tuổi, giới tính của bản thân, những điều bé thích, không thích	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân. - Giữ gìn vệ sinh thân thể - Những điều bé thích và không thích
- Trẻ thể hiện sự tự tin, tự lực	
65. Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời các câu hỏi và biết cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao	- Mạnh dạn tự tin trong các hoạt động - Mạnh dạn khi trả lời các câu hỏi - Hoàn thành các công việc được giao hằng ngày

- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật hiện tượng xung quanh	
66. Trẻ biết nhận ra và biểu lộ cảm xúc qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số trạng thái, cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua giọng nói, tranh ảnh - Biểu lộ một số trạng thái, cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói. - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
67. Trẻ nhận ra hình ảnh và thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ	<ul style="list-style-type: none"> - Kính yêu Bác Hồ. - Nghe hát, kể chuyện, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ
- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội	
68. Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình. Biết chấp nhận yêu cầu và làm theo chỉ dẫn của người khác	<ul style="list-style-type: none"> - Một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ - Tiết kiệm điện nước, chờ đến lượt. - Nhận biết hành vi “đúng – sai” “tốt – xấu”.
69. Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	<ul style="list-style-type: none"> - Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, xin lỗi, cảm ơn) trong sinh hoạt hằng ngày
70. Trẻ thích chơi cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm và biết chú ý nghe khi cô, bạn nói	<ul style="list-style-type: none"> - Chơi hòa thuận với bạn. - Chờ đến lượt - Chú ý lắng nghe cô nói, bạn nói - Không nói leo
- Quan tâm đến môi trường	
71. Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây..	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu thiên nhiên - Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối
72. Trẻ biết giữ gìn vệ sinh môi trường.	<ul style="list-style-type: none"> - Giữ gìn vệ sinh môi trường - Bỏ rác đúng nơi quy định

b) ĐỘ TUỔI : MẪU GIÁO 4-5 TUỔI

MỤC TIÊU GIÁO DỤC	NỘI DUNG GIÁO DỤC
I. giáo dục phát triển thể chất:	
1. Trẻ khỏe mạnh, có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.	<ul style="list-style-type: none"> - Ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng - Đảm bảo an toàn cho trẻ khỏe mạnh - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức

	<p>khỏe phù hợp với lứa tuổi.</p> <p>- Tăng cường tập thể dục để rèn luyện cơ thể, tăng cường sức khỏe, phòng chống dịch bệnh.</p>
* Giáo dục dinh dưỡng- sức khỏe	
- Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.	
<p>2. Trẻ biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm, nói được tên một số món ăn hằng ngày và cách chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.</p>	<p>- Tên một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng). Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. Rau, quả chín có nhiều vitamin.</p> <p>- Tên một số món ăn hằng ngày Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn : rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...</p>
<p>3. Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.</p>	<p>- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.</p> <p>- Ăn nhiều loại thức ăn trong ngày ở trường mầm non, Ở nhà : Món mặn, món xào, món luộc, món canh...</p> <p>- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì)</p>
- Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	
<p>4. Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở:</p>	<p>- Tự rửa tay đúng cách bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng.</p> <p>- Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.</p> <p>- Đi vệ sinh đúng nơi quy định.</p>
<p>5. Trẻ biết tự sử dụng dụng cụ ăn uống.</p>	<p>- Tự sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống trong sinh hoạt hằng ngày (cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn)</p>
- Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe	
<p>6. Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống.</p>	<p>- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.</p> <p>- Không sử dụng chung đồ dùng cá nhân</p> <p>- Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ.</p> <p>- Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau...</p> <p>- Không uống nước lã.</p>

<p>7. Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. Bỏ rác đúng nơi qui định. - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản. - Dùng giấy hoặc cánh tay khi ho, hắt hơi. Tránh đưa bàn tay lên mắt, mũi, miệng để phòng tránh dịch bệnh.
<p>- Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh.</p>	
<p>8. Trẻ nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng khi được nhắc nhở.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch. - Biết những nơi như: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần. - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi lớp khi không được sự cho phép của cô giáo.
<p>9. Trẻ biết được một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.
<p>* Phát triển vận động:</p>	
<p>- Trẻ thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.</p>	
<p>10. Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: <ul style="list-style-type: none"> + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). - Lưng, bụng, lườn:

	<ul style="list-style-type: none"> + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.
- Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động	
11. Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi, chạy,	<ul style="list-style-type: none"> - Đi bằng gót chân - Đi khuyu gối - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m - Đi trên ghế thể dục - Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Chạy chậm 60 - 80m
12. Trẻ kiểm soát được vận động khi thay hướng vận động.	<ul style="list-style-type: none"> - Đi, chạy thay đổi hướng theo hiệu lệnh - Đi, chạy đích dắc theo vật chuẩn (4-5 vật chuẩn)
13. Trẻ nhanh nhẹn khéo léo khi thực hiện các vận động bò, trườn, trèo.	<ul style="list-style-type: none"> - Bò bằng bàn tay bàn chân 3 – 4 m - Bò đích dắc qua 5 điểm - Bò chui ống dài 1,2m x 0,6m - Bò chui qua cổng - Trườn theo hướng thẳng - Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. - Trèo lên, xuống 5 giống thang
14. Trẻ biết giữ thăng bằng trong các vận động bật - nhảy.	<ul style="list-style-type: none"> - Bật liên tục về phía trước. - Bật xa 35 - 40cm. - Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). - Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. - Bật qua vật cản cao 10 - 15cm. - Nhảy lò cò 3m.
15. Trẻ có thể phối hợp tay – mắt trong các vận động tung, bắt, ném, đập, chuyền, bắt bóng.	<ul style="list-style-type: none"> - Tung bóng lên cao và bắt bóng - Tung bắt bóng với người đối diện(bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m) - Đập và bắt bóng tại chỗ được 4-5 lần liên tiếp - Ném xa bằng 1 tay

	<ul style="list-style-type: none"> - Ném xa bằng 2 tay - Ném trúng đích đứng bằng 1 tay (xa 1,5 mx1,2m) - Chuyển bắt bóng qua đầu, qua chân
16. Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy 15 m trong 10 giây - Ném trúng đích nằm ngang (xa 2m) - Bò trong đường dích dắc qua 5 điểm. (cách nhau 2m) không chệnh ra ngoài - Chạy và vượt qua chướng ngại vật
- Trẻ biết phối hợp các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt	
17. Trẻ thực hiện được các vận động bàn tay, ngón tay và cổ tay.	<ul style="list-style-type: none"> - Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay : uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. Gập, mở lần lượt từng ngón tay.
18. Trẻ biết phối hợp cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt trong một số hoạt động.	<ul style="list-style-type: none"> - Tô, vẽ hình. - Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi ... - Gập giấy. Lắp ghép hình. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Tự cài, cởi cúc, buộc dây.
II. Giáo dục phát triển nhận thức	
* Khám phá khoa học	
- Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật hiện tượng	
19. Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo	<ul style="list-style-type: none"> - Hay đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướn?...
20. Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	<ul style="list-style-type: none"> - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Một vài đặc điểm, tính chất của đá, cát, sỏi - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Chức năng các giác quan và các bộ phận trên cơ

	<p>thể</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quá trình phát triển của cây và con vật - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây - Một số phương tiện giao thông
21. Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán	<ul style="list-style-type: none"> - Làm thí nghiệm: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả...
22. Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau.	<ul style="list-style-type: none"> - Xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện về đồ dùng đồ chơi, phương tiện giao thông, động vật, thực vật...
23. Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau	<ul style="list-style-type: none"> - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu. - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu.
- Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản	
24. Trẻ biết nhận xét một số mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng gần gũi.	<ul style="list-style-type: none"> - Sự khác nhau giữa ngày và đêm. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Các nguồn nước trong môi trường sống - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật và cây. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.
25. Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề trong các hoạt động (Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn...)
- Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau	

<p>26. Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự giống nhau, khác nhau của các đối tượng được quan sát</p>	<p>- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình. So sánh sự giống nhau, khác nhau giữa bạn trai – bạn gái</p> <p>- Tên gọi, đặc điểm, ích lợi, tác hại của các con vật, cây, hoa, quả. So sánh sự giống nhau và khác nhau của các con vật, cây, hoa, quả</p>
<p>27. Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết của mình thông qua các hoạt động</p>	<p>- Múa, hát, vẽ nặn,, xé dán...về trường mầm non, bản thân, gia đình, động, thực vật, phương tiện giao thông....</p>
<p>* Khám phá xã hội</p>	
<p>- Nhận biết bản thân gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng</p>	
<p>28. Trẻ nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.</p>	<p>- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.</p>
<p>29. Trẻ nói được họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình, địa chỉ của gia đình, trường/lớp khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh ảnh.</p>	<p>- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ.</p> <p>- Một số nhu cầu của gia đình.</p> <p>- Ăn gì để khỏe mạnh</p> <p>- Địa chỉ gia đình.</p>
<p>30. Trẻ nói được địa chỉ gia đình, số điện thoại khi được hỏi, trò chuyện.</p>	<p>- Địa chỉ gia đình.của bé, số điện thoại.</p>
<p>31. Trẻ nói được tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện</p>	<p>- Trò chuyện về trường mầm non, về ngày hội đến trường của bé</p>
<p>32. Trẻ biết tên, của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.</p>	<p>- Trò chuyện về công việc của cô giáo, công việc của các cô, các bác trong trường</p>
<p>33. Trẻ nói được họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.</p>	<p>- Trò chuyện về lớp học của bé</p> <p>- Đặc điểm sở thích của các bạn</p> <p>- Các hoạt động của trẻ ở trường.</p> <p>- Ho và hắt hơi đúng cách.</p>

<p>34. Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.</p>	<p>- Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.</p> <p>- Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường</p>
<p>- Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương</p>	
<p>35. Trẻ kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.</p>	<p>- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.</p>
<p>- Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh</p>	
<p>36. Trẻ kể được tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.</p>	<p>- Ngày tết cổ truyền của dân tộc bé được nghỉ học đi thăm ông bà, bé được nhận lì xì</p> <p>- Ngày tết trung thu có múa lân, rước đèn...</p>
<p>37. Trẻ kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.</p>	<p>- Tên gọi và một số đặc điểm nổi bật của di tích, danh lam thắng cảnh, sự kiện văn hóa của quê hương đất nước.</p>
<p>* Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</p>	
<p>- Nhận biết số đếm, số lượng</p>	
<p>38. Trẻ biết đếm trên các đối tượng trong phạm vi 10. Biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau</p>	<p>- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.</p> <p>- So sánh hai nhóm đối tượng bằng cách khác nhau và nói được kết quả: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.</p>
<p>39. Trẻ biết gộp, tách nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.</p>	<p>- Gộp hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 và đếm.</p> <p>- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.</p>
<p>40. Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày. Biết sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.</p>	<p>- Ý nghĩa các con số (số nhà, biển số xe, số 113,114,115...)</p> <p>- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5</p>
<p>- Sắp xếp theo quy tắc</p>	

<p>41. Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại</p>	<p>- Xếp tương ứng 1-1 - Ghép đôi. - So sánh phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.</p>
<p>- So sánh hai đối tượng</p>	
<p>42. Trẻ biết sử dụng dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.</p>	<p>- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo .</p>
<p>- Nhận biết hình dạng</p>	
<p>43. Trẻ biết chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình học và biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.</p>	<p>- Nhận biết, gọi tên, so sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật. - Chắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo yêu cầu</p>
<p>- Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian</p>	
<p>44. Trẻ biết sử dụng và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.</p>	<p>- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái).</p>
<p>45. Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.</p>	<p>- Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối trong ngày</p>
<p>III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ</p>	
<p>- Nghe và hiểu lời nói:</p>	
<p>46. Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp</p>	<p>Nghe, hiểu lời nói và làm theo 2 – 3 yêu cầu trong giao tiếp hằng ngày</p>
<p>47. Trẻ hiểu được nghĩa một số từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ..</p>	<p>- Nghe, hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng: đồ dùng/thực vật/động vật.... - Nghe, hiểu nghĩa của từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...</p>
<p>48. Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại</p>	<p>Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp</p>
<p>- Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày:</p>	
<p>49. Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được</p>	<p>- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó. - Trả lời và đặt câu hỏi “Ai?” “Cái gì?” “Ở đâu?” “Khi nào?”</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
50. Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm....	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe, sử dụng các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng, hoạt động
51. Trẻ sử dụng được các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe, hiểu nội dung các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định trong giao tiếp hằng ngày - Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau - Trả lời và đặt câu hỏi - Kể lại sự việc theo trình tự - Nghe, sử dụng các từ biểu cảm - Đóng kịch
52. Trẻ đọc thuộc một số bài thơ, ca dao, đồng dao.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe, đọc một số bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ phù hợp với độ tuổi.
53. Trẻ điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép như: “mời cô” “mời bạn” “xin phép” “thưa” “ạ” “vâng”... - Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
54. Trẻ hiểu và nói được một số từ tiếng anh đơn giản và tích cực tham gia vào các hoạt động LQTA	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen chương trình tiếng anh My Little fun 4-5 tuổi
- Làm quen với việc đọc, viết	
55. Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh và biết “đọc vẹt” theo tranh minh họa	<ul style="list-style-type: none"> - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Làm quen với cách sử dụng sách, cách đọc sách - “Đọc” chuyện qua sách tranh/tranh vẽ - Làm quen với cách đọc sách (hướng đọc: từ trái sang phải, từ trên xuống dưới; đọc ngắt nghỉ sau các dấu) - Phân biệt đầu, kết thúc của sách - Giữ gìn bảo vệ sách
56. Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.

<p>57. Trẻ biết sử dụng ký hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với cách viết tiếng Việt (hướng viết của các nét chữ: từ trái sang phải, từ trên xuống dưới) - Làm quen với công cụ viết và đưa tay tạo thành nét của chữ cái
<p>58. Trẻ có biểu tượng ban đầu về ký hiệu/ chữ cái/ chữ viết</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận dạng một số chữ cái - Tập tô, đồ các nét chữ
<p>IV. Giáo dục phát triển thẩm mỹ:</p>	
<p>- Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật</p>	
<p>59. Trẻ biết thể hiện sự vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
<p>60. Trẻ biết chú ý lắng nghe, thích thú theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca, hò, vè...) kết hợp với cảm xúc: hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp - Nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể chuyện phù hợp với lứa tuổi
<p>61. Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình qua các tác phẩm tạo hình.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bộc lộ cảm xúc khi ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của tác phẩm tạo hình bằng các từ gợi cảm. (về màu sắc, hình dáng, bố cục...)
<p>- Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình</p>	
<p>62. Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát quen thuộc theo lứa tuổi
<p>63. Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (<i>erobic, nhảy, nhịp điệu, dân vũ</i>, vỗ tay, múa, minh họa..)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Vận động minh họa theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu (nhANH, chậm, phối hợp). - Vận động theo ý thích khi hát, nghe các bài hát bản nhạc quen thuộc.

64. Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, phế liệu để tạo ra các sản phẩm
65. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng tạo hình để tạo thành bức tranh có màu sắc, bố cục hợp lý.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình ... để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.
66. Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình.
- Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)	
67. Trẻ tự lựa chọn dụng cụ để gõ đệm và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát
68. Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.
69. Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Đặt tên cho sản phẩm tạo hình
V. Giáo dục Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội:	
- Thể hiện ý thức về bản thân	
70. Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân và người thân.
71. Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	- Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến. - Sở thích và khả năng của bản thân.
- Trẻ thể hiện sự tự tin, tự lực	
72. Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích và cố gắng hoàn thành công việc được giao	- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...) - Chủ động trong một số hoạt động
- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật hiện tượng xung quanh	
73. Trẻ nhận biết và biểu lộ được một số trạng thái cảm xúc.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ,

	giọng nói, tranh ảnh..
74. Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, Lăng Bác Hồ và thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ .	- Kính yêu Bác Hồ, tìm hiểu về Bác hồ - Hát, múa đọc thơ, kể chuyện về Bác hồ
75. Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. (trang phục, món ăn...)
- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội	
76. Trẻ biết thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình	- Một số quy định ở lớp, gia đình, nơi công cộng (Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ...) - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.
77. Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép. Chú ý nghe khi cô, bạn nói. Nhận biết hành vi đúng-sai, tốt xấu.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép. - Phân biệt hành vi đúng sai- tốt xấu
78. Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở. Trẻ biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung	- Chờ đến lượt, hợp tác. - Quan tâm, giúp đỡ bạn. (chơi, trực nhật ...).
Quan tâm đến môi trường	
79. Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. - Phân biệt hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).
80. Trẻ biết giữ gìn vệ sinh môi trường, biết tiết kiệm trong sinh hoạt.	- Không xả rác, bỏ rác đúng nơi qui định. - Không viết vẽ bậy lên tường. - Tiết kiệm điện nước (Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng)

c) ĐỘ TUỔI : MẪU GIÁO 5-6 TUỔI

MỤC TIÊU GIÁO DỤC	NỘI DUNG GIÁO DỤC
I. Giáo dục phát triển thể chất	
1. Trẻ khỏe mạnh, có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.	- Ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng để phòng dịch bệnh. - Đảm bảo an toàn cho trẻ khỏe mạnh.

	- Có chế độ tập luyện phù hợp với lứa tuổi để tăng cường sức đề kháng để phòng chống dịch bệnh.
Giáo dục dinh dưỡng- sức khỏe	
- Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.	
2. Trẻ biết lựa chọn một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm, nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản.	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm + Thực phẩm giàu đạm : thịt, cá... + Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng : rau, quả... - Nói được các món ăn hằng ngày và các dạng chế biến đơn giản: Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo....
3. Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh. Uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và <i>ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất để tăng cường sức khỏe phòng dịch bệnh.</i> - Ăn nhiều loại thức ăn trong ngày ở trường mầm non : Món mặn, món xào, món luộc, món canh... - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật; uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì, không có lợi cho sức khỏe .
- Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	
4. Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản như rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn. Biết tự rửa mặt và chải răng hằng ngày...	- Tự rửa tay bằng xà phòng khi tay bẩn, sau khi đi vệ sinh và từ nơi công cộng về, tự lau mặt , đánh răng. - Tự thay áo, quần khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong giội, giặt nước cho sạch. - Thực hiện công việc trực nhật theo phân công
5. Trẻ biết sử dụng được đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.	- Tự sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo trong sinh hoạt hằng ngày theo kí hiệu riêng của mình để phòng tránh dịch bệnh : Cốc, thìa, nĩa, khay...
- Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe	

<p>6. Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống và giữ gìn sức khỏe.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn uống từ tốn. - Không đùa nghịch, không đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Nhận biết trang phục theo thời tiết. - <i>Nhận biết một số biểu hiện khi ốm.</i>
<p>7. Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh răng miệng : Sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Ra nắng đội mũ ; đi tắt, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Nói với người lớn khi đau, chảy máu hoặc sốt... - <i>Ho, hắt hơi vào khuỷu tay thay vì bàn tay để phòng tránh bệnh</i> - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định ; không nhỏ bậy ra lớp. - <i>Đeo khẩu trang đúng cách, vứt khẩu trang đúng nơi quy định.</i>
<p>8. Trẻ biết vệ sinh thân thể, giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết chải tóc, vuốt tóc khi bù rối. - Biết chải tóc, cột tóc, thắt bím, cài nơ đối với bé gái. - Trẻ biết giữ quần áo sạch sẽ, không bôi bẩn.
<p>- Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh.</p>	
<p>9. Trẻ biết phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần ; không nghịch các vật sắc nhọn. - Biết những nơi như : hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.
<p>10. Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết cười đùa trong khi ăn uống hoặc khi ăn các loại có hạt dễ bị học, sặc.. - Biết không tự ý uống thuốc. - Biết ăn đồ ăn có mùi ôi, hoa quả lạ là dễ bị ngộ độc;
<p>11. Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết gọi người lớn, kêu cứu khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu... - Biết một số trường hợp không an toàn : Khi người lạ bế ẵm, cho bánh kẹo, rủ đi chơi, ra khỏi nhà khỏi lớp khi chưa xin phép người lớn, cô giáo...

	- Biết địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ...
12. Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn.	- Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên vỉa hè, đi qua đường phải có người lớn dắt, đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo, ban công, tường rào...
13. Trẻ biết uống rượu, bia, hút thuốc lá là có hại cho sức khỏe.	- Nhận biết việc uống rượu, bia, hút thuốc lá là có hại đến sức khỏe. - Biết tránh chỗ có người hút thuốc lá.
Phát triển vận động	
- Trẻ thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.	
14. Trẻ thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.	- Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.
- Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động	
15. Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đứng, đi, chạy	- Đi lên xuống ván dốc (dài 2m, rộng 0.3m), một đầu kê cao 0.3m - Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát, không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục - Đứng một chân và giữ thăng bằng trong 10 giây - Đi bằng mép ngoài bàn chân - Đi khuyu gối - Đi trên dây - Đi nổi bàn chân tiến lùi - Chạy chậm khoảng 100 – 120 m
16. Trẻ kiểm soát được vận động khi thay hướng vận động.	- Đi thay đổi hướng theo hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần) - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Chạy thay đổi hướng (Dích dắc) theo hiệu lệnh
17. Trẻ nhanh nhẹn khéo léo khi thực hiện các vận động bò, trườn, trèo.	- Bò bằng bàn tay bàn chân 4 – 5 m - Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m - Bò dích dắc qua 5-6 điểm dích dắc cách nhau 1.5m theo đúng yêu cầu

	<ul style="list-style-type: none"> - Trườn sấp kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm - Trèo lên xuống 7 giống thang
18. Trẻ giữ được thăng bằng trong các vận động bật - nhảy.	<ul style="list-style-type: none"> - Bật liên tục vào vòng - Bật xa 40 - 50cm - Bật tách - khếp chân qua 7 ô - Bật qua vật cản cao 15 – 20 cm - Bật nhảy từ trên cao xuống 40 – 45 cm
19. Trẻ có thể phối hợp tay – mắt trong các vận động tung, bắt, ném, đập, chuyền, bắt bóng.	<ul style="list-style-type: none"> - Tung bóng lên cao và bắt bóng - Đập bắt bóng tại chỗ. - Đi và đập bắt bóng nảy 4-5 lần liên tiếp - Bắt và ném bóng với người đối diện(khoảng cách 4m) - Ném xa bằng 1 tay - Ném xa bằng 2 tay - Ném trúng đích nằm ngang - Chuyền bắt bóng qua đầu qua chân
20. Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy 18 m trong khoảng 10 giây - Ném trúng đích thẳng đứng (xa 2m x cao 1.5m) - Chạy và vượt qua chướng ngại vật
21. Trẻ nhảy lò cò ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhảy lò cò 5m.
22. Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút.	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia các hoạt động đầy đủ, tích cực. Không có biểu hiện mệt mỏi như ngáp, ngủ gật, chọc phá bạn, làm việc riêng, không chú ý lắng nghe cô giảng bài....
- Trẻ biết phối hợp các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt	
23. Trẻ thực hiện và phối hợp được các vận động bàn tay, ngón tay và cổ tay, phối hợp tay - mắt	<ul style="list-style-type: none"> - Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay : uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. Gấp, mở lần lượt từng ngón tay .
24. Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt trong một số hoạt động:	<ul style="list-style-type: none"> - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Xếp chồng 12 – 15 khối theo mẫu. - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu.

	- Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mớ tuya)
II. Giáo dục phát triển nhận thức	
Khám phá khoa học	
- Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật hiện tượng	
25. Trẻ biết chức năng và các bộ phận khác của cơ thể.	- Chức năng và các bộ phận khác của cơ thể.
26. Trẻ biết những đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống.	- Thứ tự các mùa trong năm - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa - Hay đặt các câu hỏi về sự vật hiện tượng: Tại sao có mưa ?...
27. Trẻ thích khám phá các sự vật hiện tượng môi trường xung quanh	- Một số đặc điểm tính chất của nước - Một vài đặc điểm, tính chất của đá, cát, sỏi - Sự lớn lên của bé - Quá trình phát triển của cây và con vật (sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng) - Một số phương tiện giao thông
28. Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận.	- Làm thí nghiệm: gieo hạt/ trồng cây được tưới nước và không tưới nước, theo dõi và so sánh sự phát triển; pha màu, nam châm
29. Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau.	- Xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận về đồ dùng đồ chơi, phương tiện giao thông, động vật, thực vật...
30. Trẻ có khả năng phân loại một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng, phân loại các con vật, cây, hoa quả quen thuộc.	- Đặc điểm, công dụng của đồ dùng đồ chơi và cách sử dụng - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng đồ chơi và sự đa dạng của chúng - Phân loại đồ dùng đồ chơi, động vật, thực vật, phương tiện giao thông... theo 2- 3 dấu hiệu nổi bật.

- Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản	
31. Trẻ biết nhận xét mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng	<ul style="list-style-type: none"> - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời và mặt trăng - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Các nguồn nước trong môi trường sống - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước - Không khí nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật, và cây - Thời tiết mùa xuân và các hoạt động trong ngày tết - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật và cây.
32. Trẻ biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau	- Sử dụng các cách đơn giản để giải quyết vấn đề trong các hoạt động.
33. Trẻ có khả năng đặt câu hỏi.	- Hay đặt câu hỏi Tại sao? Làm gì? Khi nào?
34. Trẻ có khả năng dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra	- Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra như mưa giông, gió mạnh, bão, sấm sét
- Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau	
35. Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự giống nhau, khác nhau của các đối tượng được quan sát	<ul style="list-style-type: none"> - Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình. So sánh sự giống nhau, khác nhau giữa bạn trai – bạn gái - Tên gọi, đặc điểm, ích lợi, tác hại của các con vật, cây, hoa, quả. So sánh sự giống nhau và khác nhau của các con vật, cây, hoa, quả
36. Trẻ biết thể hiện sự hiểu biết của mình thông qua các hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm công dụng của đồ dùng đồ chơi. - Múa, hát, vẽ nặn,, xé dán...về trường mầm non, bản thân, gia đình, động, thực vật, phương tiện giao thông....

* Khám phá xã hội	
- Nhận biết bản thân gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng	
37. Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	- Họ, tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình
38. Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, công việc hằng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình, nhu cầu gia đình
39. Trẻ nói được địa chỉ gia đình, số điện thoại khi được hỏi, trò chuyện.	- Địa chỉ gia đình, của bé, số điện thoại.
40. Trẻ nói được tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Trò chuyện về trường mầm non, về ngày hội đến trường của bé
41. Trẻ biết tên, của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Trò chuyện về công việc của cô giáo, công việc của các cô, các bác trong trường
42. Trẻ nói được họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Trò chuyện về lớp học của bé - Đặc điểm sở thích của các bạn - Các hoạt động của trẻ ở trường.
- Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương	
43. Trẻ biết được đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề.	- Tên gọi như: nghề thợ mộc, y tá, Bác Sĩ, cô giáo, nghề nông..., công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
- Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh	
44. Trẻ kể được tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của các dịp lễ hội trong năm	- Ngày tết cổ truyền của dân tộc bé được nghỉ học đi thăm ông bà, bé được nhận lì xì, trang trí nhà cửa,... - Ngày tết trung thu có múa lân, rước đèn... - Ngày Quốc khánh 2/9 cả phố treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm. - Ngày 8/3 là ngày hội của bà, mẹ và cô giáo - Ngày 20/11 là ngày lễ của thầy cô giáo, ngày nhà

	<p>giáo Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngày 29/3 là ngày giải phóng TPDN và có các lễ hội chào mừng - Ngày 30/4 ngày truyền thống của trường
<p>45. Trẻ biết kể tên và nêu một vài đặc trưng của danh lam, thắng cảnh di tích lịch sử của quê hương, đất nước.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tên và một số đặc điểm nổi bật của di tích, danh lam thắng cảnh, sự kiện văn hóa của quê hương đất nước.(Di tích Đình Làng Hải Châu, Bà Nà Hill, Chùa Linh Ứng,...)
<p>* Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</p>	
<p>- Nhận biết số đếm, số lượng</p>	
<p>46. Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm. - Hay đặt câu hỏi: “Bao nhiêu?”; “Đây là mấy?”...
<p>47. Trẻ biết đếm trên các đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng, biết sử dụng các số đó để chỉ số lượng số thứ tự</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10 - Đếm theo khả năng
<p>48. Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tách một nhóm bằng ba nhóm nhỏ bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: Bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất. - Mỗi quan hệ hơn kém trong phạm vi 10
<p>49. Trẻ biết gộp, tách 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau và đếm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Gộp/ tách các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm
<p>50. Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ý nghĩa các con số (số nhà, biển số xe, số 113,114,115...)
<p>- Sắp xếp theo quy tắc</p>	
<p>51. Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu, nhận ra quy tắc sắp xếp và sao chép lại.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ghép từng cặp nhóm đối tượng có mối liên quan - So sánh phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.
<p>52. Trẻ biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo ra quy tắc sắp xếp - Sáng tạo ra quy tắc sắp xếp và tự sắp xếp.
<p>- So sánh hai đối tượng</p>	

<p>53. Trẻ biết sử dụng một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thao tác đo độ dài một đối tượng. - Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo
<p>- Nhận biết hình dạng</p>	
<p>54. Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa các khối.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và dạng các khối hình đó trong thực tế. - Chắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo yêu cầu - Tạo ra một số hình học bằng các cách khác nhau
<p>- Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian</p>	
<p>55. Trẻ biết phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt hôm nay, hôm qua, ngày mai. - Phân biệt hôm qua đã làm việc gì, hôm nay làm gì và cô dặn/ mẹ dặn ngày mai làm việc gì. - Kể các sự kiện diễn ra theo trình tự thời gian.
<p>56. Biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được vị trí của đồ vật (Phía trước, phía sau, phía trên, phía dưới, phía phải, phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
<p>57. Trẻ biết gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi được tên các thứ trong tuần - Nhận biết các mùa trong năm
<p>III. Giáo dục Phát triển ngôn ngữ</p>	
<p>- Nghe và hiểu lời nói</p>	
<p>58. Trẻ có khả năng thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe, hiểu lời nói và làm theo các yêu cầu trong hoạt động hằng ngày <p>ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”.</p>
<p>59. Trẻ có khả năng hiểu được nghĩa từ khái quát.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe, hiểu nghĩa của từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng ... - Nghe, hiểu được từ trái nghĩa: xấu - đẹp, già - trẻ, cao - thấp,...

<p>60. Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.</p>	<p>- Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp</p> <p>- Hiểu và nhận xét ý kiến.</p>
<p>- Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày</p>	
<p>61. Trẻ biết kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được</p>	<p>- Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng những câu đơn, câu ghép khác nhau</p>
<p>62. Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... phù hợp với ngữ cảnh</p>	<p>- Nghe, sử dụng các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng, hoạt động, đặc điểm... phù hợp với ngữ cảnh.</p>
<p>63. Trẻ sử dụng được các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...</p>	<p>- Nghe, hiểu nội dung các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh trong giao tiếp hằng ngày</p> <p>- Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau</p> <p>- Trả lời và đặt câu hỏi về nguyên nhân, so sánh? “Tại sao?”, “có gì giống nhau?”, “Do đâu mà có”</p>
<p>64. Trẻ biết miêu tả sự việc với nhiều thông tin về hành động, tính cách, trạng thái, ... của nhân vật</p>	<p>- Kể lại sự việc theo trình tự</p> <p>- Kể lại chuyện được nghe theo trình tự</p>
<p>65. Trẻ đọc biểu cảm một số bài thơ, ca dao, đồng dao.</p>	<p>- Nghe, đọc diễn cảm một số bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ phù hợp với độ tuổi.</p>
<p>66. Trẻ biết kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.</p>	<p>- Kể chuyện theo tranh, theo đồ vật</p>
<p>67. Trẻ đóng được vai của nhân vật trong truyện</p>	<p>- Đóng kịch</p>
<p>68. Trẻ biết giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hằng ngày</p>	<p>- Biết sử dụng các từ: “Cảm ơn, xin lỗi, xin phép, dạ, thưa, vâng....” phù hợp với tình huống.</p> <p>- Không nói tục, chửi bậy</p>
<p>69. Trẻ điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.</p>	<p>- Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp</p>

70. Trẻ biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện	<ul style="list-style-type: none"> - Mạnh dạn, chủ động giao tiếp với mọi người xung quanh, sẵn sàng bắt đầu nói chuyện với người khác - Khởi xướng cuộc trò chuyện bằng các cách khác nhau (nói một câu hoặc hỏi câu hỏi).
71. Trẻ mạnh dạn, tự tin, chủ động trong giao tiếp.	<ul style="list-style-type: none"> - Mạnh dạn tự tin giao tiếp với mọi người xung quanh, tự tin nói to, chủ động.
72. Trẻ biết chờ đến lượt trong trò chuyện, không nói lêu, không ngắt lời người khác.	<ul style="list-style-type: none"> - Chờ đến lượt trong trò chuyện, không nói lêu, không ngắt lời người khác
73. Trẻ hiểu và nói được một số từ, câu tiếng anh đơn giản và tích cực tham gia vào các hoạt động LQTA	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen chương trình tiếng anh My Little fun 5-6 tuổi
- Làm quen với việc đọc, viết	
74. Trẻ biết chọn sách để “đọc” và xem	<ul style="list-style-type: none"> - Xem và “đọc” các loại sách khác nhau - Làm quen với cách đọc sách (hướng đọc: từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách) - Giữ gìn bảo vệ sách: Để sách đúng nơi qui định, không ném, vẽ bậy, xé, làm nhăn, nhàu, hỏng sách, ngồi, dẫm,.. lên sách.
75. Trẻ biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	
76. Trẻ thể hiện sự thích thú với sách.	<ul style="list-style-type: none"> - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Thể hiện sự thích thú với chữ cái, sách, đọc, kể chuyện. Trẻ mang sách, truyện đến và yêu cầu người khác đọc cho nghe, hỏi, trao đổi về chuyện được nghe đọc.
77. Trẻ đọc thuộc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố , hò vè	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố , hò vè
78. Trẻ biết kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	<ul style="list-style-type: none"> - Kể chuyện theo tranh, theo kinh nghiệm của trẻ. - Nói được thứ tự của sự việc từ chuyện tranh và sử dụng lời nói để diễn đạt nội dung câu chuyện
79. Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường.	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông....)
80. Trẻ biết nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen chữ cái tiếng Việt
81. Trẻ biết tô, đồ các nét chữ,	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với cách viết tiếng Việt (hướng viết của

sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	các nét chữ: từ trái sang phải, từ trên xuống dưới) - Làm quen với công cụ viết - Sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên mình
IV. Giáo dục phát triển thẩm mỹ	
- Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật	
82. Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
83. Trẻ biết chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca) kết hợp với cảm xúc: hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp - Nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể chuyện phù hợp với lứa tuổi
84. Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình qua các tác phẩm tạo hình.	- Bộc lộ cảm xúc khi ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của tác phẩm tạo hình bằng các từ gợi cảm.(về màu sắc, hình dáng, bố cục...)
- Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình	
85. Trẻ nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của các bài hát hoặc bản nhạc.	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.
86. Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...	- Hát và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát quen thuộc theo lứa tuổi.
87. Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (<i>erobic, nhảy, nhịp điệu, dân vũ, vỗ tay, múa, minh họa..</i>) .	- Vận động minh họa theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu (nhANH, chậm, phối hợp). - Vận động theo ý thích khi hát, nghe các bài hát bản nhạc quen thuộc.

88. Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm
89. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối	phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối
90. Trẻ biết phối hợp với các kỹ năng cắt xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối	phối hợp với các kỹ năng cắt xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối
91. Trẻ biết phối hợp với các kỹ năng nặn để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối	phối hợp với các kỹ năng nặn để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối
92. Trẻ biết phối hợp với các kỹ năng xếp hình để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối	phối hợp với các kỹ năng xếp hình để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối
93. Trẻ biết sử dụng cọ và màu nước thành thạo để tạo nên sản phẩm có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối	Sử dụng cọ và màu nước thành thạo để tạo nên sản phẩm có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối
94. Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình.
- Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)	
95. Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Vận động theo ý thích khi hát, nghe các bài hát bản nhạc quen thuộc.
96. Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	- Tự lựa chọn tiết tấu để gõ đệm.
97. Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.
98. Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm tạo hình của mình và của bạn.
V. Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	

Thể hiện ý thức về bản thân	
99. Có ý thức về bản thân.	<ul style="list-style-type: none"> - Biết giới tính của bản thân. - Biết chọn và giải thích được lí do chọn trang phục phù hợp với thời tiết (nóng, lạnh, khi trời mưa). - Bạn gái ngồi khếp chân khi mặc váy. - Bạn trai sẵn sàng giúp đỡ bạn gái trong những việc nặng hơn khi được đề nghị
100. Trẻ có hành vi ứng xử đúng với bản thân và những người xung quanh.	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện các quy tắc sau trong sinh hoạt hàng ngày : Chào hỏi, xưng hô lễ phép với người lớn., cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà. - Thể hiện sự ăn năn, áy náy, xấu hổ, lo lắng khi phạm lỗi (đứng im, đỏ mặt, mếu chảy nước mắt, cúi đầu, sợ hãi, ôm lấy người mình trót phạm lỗi) và nói lời xin lỗi.
101. Trẻ chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình.	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi được tên và chấp nhận các sở thích giống và khác nhau giữa mình và các bạn khác (sở thích về món ăn, sở thích về các đồ chơi, trò chơi,...). - Không chê bai bạn về: sản phẩm hoạt động hoặc quần áo, đồ dùng của bạn,... - Nhận ra rằng mọi người có thể sử dụng các từ khác nhau để chỉ cùng một vật.
102. Trẻ nói được thông tin quan trọng về bản thân và gia đình.	<ul style="list-style-type: none"> - Nói được những thông tin cơ bản cá nhân và gia đình như: họ và tên trẻ, tên các thành viên trong gia đình, địa chỉ nhà (số nhà, tên phố/ làng xóm), số điện thoại gia đình hoặc số điện thoại của bố mẹ (nếu có)... - Đặc điểm bên ngoài của bản thân và người thân trong gia đình. - Sở thích và khả năng của bản thân.
103. Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn.	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm giống và khác nhau của mình với người khác (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).
104. Trẻ biết vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình. - Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.
- Trẻ thể hiện sự tự tin, tự lực	

105. Trẻ mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.
106. Trẻ biết tự làm một số việc đơn giản hằng ngày và cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...) - Chủ động và độc lập trong một số hoạt động
- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật hiện tượng xung quanh	
107. Trẻ nhận biết và biểu lộ được một số trạng thái cảm xúc qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác	- Nhận biết và bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. - Môi quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.
108. Trẻ biết kính yêu Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ, tìm hiểu về Bác hồ - Hát, múa đọc thơ, kể chuyện về Bác hồ
109. Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. (trang phục, món ăn...)
- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội	
110. Trẻ biết thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép). - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.
111. Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép. Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự.
112. Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn. - Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ cô.
113. Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn.	- Mạnh dạn, tự tin, tìm cách giải quyết vấn đề. (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).
114. Trẻ có nhóm bạn chơi thường xuyên.	- Có nhóm bạn chơi thường xuyên.

	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận
115. Trẻ biết chờ đến lượt khi tham gia các hoạt động.	- Chờ đến lượt không chen ngang, không xô đẩy, chen lấn bạn, người khác - Xếp thẳng hàng.
116. Trẻ biết trao đổi ý kiến của mình với các bạn.	- Chia sẻ kinh nghiệm và ý kiến của mình với các bạn trong nhóm. - Bình tĩnh, tôn trọng trong khi trao đổi, không cắt ngang khi người khác trình bày.
Quan tâm đến môi trường	
117. Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.
118. Trẻ biết giữ gìn vệ sinh môi trường. Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định -Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Trẻ nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường. Nhận xét, nhắc nhở và tỏ thái độ với hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”. (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).
119. Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt	- Tiết kiệm điện, nước. - Thực hành sử dụng tiết kiệm trong sinh hoạt hằng ngày: Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các tổ, khối chuyên môn

Xây dựng dự kiến kế hoạch chủ đề và kế hoạch giáo dục từ độ tuổi trình bán giám hiệu phê duyệt trước ngày 09/9/2023;

Điều chỉnh kế hoạch (nếu có);

Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch hoạt động phát triển chương trình sau khi Hiệu trưởng phê duyệt.

2. Trách nhiệm Ban giám hiệu nhà trường

Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn kiểm tra dự kiến chủ đề và kế hoạch giáo dục của các tổ chuyên môn;

Hiệu trưởng nhà trường kiểm tra và quyết định phê duyệt, xây dựng kế hoạch phát triển chương trình giáo dục theo định hướng phát triển năng lực của trẻ trong nhà trường; Báo cáo kế hoạch thực hiện về phòng GDĐT;

BGH kiểm tra, đôn đốc, giám sát, hỗ trợ các tổ/khối chuyên môn và giáo viên trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch;

Tổ chức tổng kết rút kinh nghiệm Kế hoạch phát triển chương trình giáo dục nhà trường mầm non, điều chỉnh phù hợp.

V. NGUỒN KINH PHÍ

Nguồn kinh phí chi cho các hoạt động phát triển chương trình giáo dục nhà trường bao gồm: Kinh phí ngân sách chi thường xuyên của nhà trường và nguồn đóng góp từ phụ huynh.

Trên đây là kế hoạch Phát triển Chương trình giáo dục nhà trường, phù hợp với điều kiện thực tế của trường, của địa phương và khả năng hứng thú của trẻ năm học 2023-2024 của trường Mầm non 30/4. Các PHT và tổ chuyên môn triển khai thực hiện, nếu có gì vướng mắc cần trao đổi và điều chỉnh kế hoạch./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT để b/c;
- Phó HT, Các tổ CM;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Hồng

PHÊ DUYỆT CỦA PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO